



Mã nhận dạng 03490

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ cơ khí(207122)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH20CKC_01**

Tổ Thi **001_DH20CKC_01**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi **05/07/2022**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi

HD205

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20118127	Nguyễn Viết Nguyên	Chương	DH20CKC		10	70	5,0	6,1	0012345678910	0123456789
2	19118027	Nguyễn	Cường	DH19CKC		10	60	3,0	4,6	0012345678910	0123456789
3	20118145	Dương Nguyễn Viết	Dũng	DH20CKC						0012345678910	0123456789
4	20118151	Phùng Khánh	Duy	DH20CKC		10	48	6,5	6,3	0012345678910	0123456789
5	19118290	Nguyễn Tô Hoàng	Đạt	DH19CKC		10	69	5,0	6,1	0012345678910	0123456789
6	17118160	Trần Á	Đông	DH17CKC		10	78	6,0	6,9	0012345678910	0123456789
7	20118153	Lê Phan Minh	Hải	DH20CKC		10	72	5,0	6,2	0012345678910	0123456789
8	20152009	Vũ Đặng Tuấn	Kiệt	DH20CKC						0012345678910	0123456789
9	18118210	Phạm Trung	Long	DH18CKC		10	82	6,0	7,1	0012345678910	0123456789
10	20118089	Thái Tấn	Lộc	DH20CKC		8,0	6,5	3,0	4,6	0012345678910	0123456789
11	20118190	Lê Vĩnh	Lợi	DH20CKC		10	64	3,0	4,7	0012345678910	0123456789
12	20118191	Nguyễn Đức	Lợi	DH20CKC		10	45	3,5	4,5	0012345678910	0123456789
13	20118199	Chu Phương	Nam	DH20CKC		10	60	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
14	20118205	Nguyễn Ngọc	Nghĩa	DH20CKC						0012345678910	0123456789
15	18118212	Nguyễn Xuân	Nguyên	DH18CKC		10	53	2,3	4,0	0012345678910	0123456789
16	19118298	Nguyễn Tấn	Nhã	DH19CKC		10	72	4,0	5,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03490

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ cơ khí(207122)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH20CKC_01**

Tổ Thi **001_DH20CKC_01**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi **05/07/2022**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi

HD205

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20118226	Đào Sĩ Phong	DH20CKC			10	4,5	6,0	6,0	0012345678910	0123456789
18	19118180	Huỳnh Hoàng Phúc	DH19CKC			5,0	4,9	3,3	4,0	0012345678910	0123456789
19	18118108	Nguyễn Huy Phúc	DH18CKC			7,0	2,5	5,0	4,5	0012345678910	0123456789
20	17118146	Lê Nguyễn Mai Phương	DH17CKC			10	8,5	7,5	8,1	0012345678910	0123456789
21	20118238	Đỗ Minh Quang	DH20CKC			10	2	6,0	4,6	0012345678910	0123456789
22	19118302	Nguyễn Như Qui	DH19CKC			10	6,3	4,8	5,8	0012345678910	0123456789
23	19118304	Phan Sáng	DH19CKC			10	7,4	6,5	7,1	0012345678910	0123456789
24	20118249	Nguyễn Văn Tâm	DH20CKC			10	8,3	7,5	8,0	0012345678910	0123456789
25	20118281	Lê Anh Tuấn	DH20CKC			10	8,4	7,5	8,0	0012345678910	0123456789
26	20118288	Lương Nhật Trần Vinh	DH20CKC							0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 26. Số sinh viên vắng 14.

Ngày 06 Tháng 07 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 06/06/2022
Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Võ Huy Thiệp

Trần Quang Tuấn

Nguyễn Thị Kiều Hạnh



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: UD tin học trong thiết kế máy (207125) - 02

CBGD: Lê Văn Tuấn (807)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118005	Lương Thái Ban	DH19CC			6,5	8,0	9,0	8,2	0012345678910	0123456789
2	19118006	Nguyễn Thành Băng	DH19CK			9,5	10,0	6,0	7,9	0012345678910	0123456789
3	19118007	Dương Gia Bảo	DH19CK			9,0	4,0	8,0	7,0	0012345678910	0123456789
4	19118008	Lê Đình Bảo	DH19CC			9,5	10,0	9,0	9,4	0012345678910	0123456789
5	19118010	Lê Thái Thiên Bảo	DH19CK			4,0	6,0	8,0	6,6	0012345678910	0123456789
6	19118011	Ngô Quốc Bảo	DH19CK			4,7	5,0	4,0	4,4	0012345678910	0123456789
7	19154009	Nguyễn Xuân Cảnh	DH19OT			6,5	6,0	9,0	7,6	0012345678910	0123456789
8	19118019	Lê Minh Chiến	DH19CK			6,0	10,0	6,0	7,2	0012345678910	0123456789
9	17153011	Nguyễn Minh Chiến	DH17CD			3,3	2,0	1,0	1,8	0012345678910	0123456789
10	19118022	Đặng Mai Chung	DH19CK			9,0	10,0	8,0	8,8	0012345678910	0123456789
11	19118025	Diệp Kiến Cường	DH19CK			9,5	10,0	7,0	8,4	0012345678910	0123456789
12	14153009	Lê Mạnh Cường	DH14CD			9,5	10,0	9,0	9,4	0012345678910	0123456789
13	19118030	Chế Nguyễn Văn Danh	DH19CK			5,3	9,0	6,0	6,8	0012345678910	0123456789
14	19118031	Trần Đức Danh	DH19CK			9,0	10,0	8,0	8,8	0012345678910	0123456789
15	19118048	Dương Hoàng Duy	DH19CC			10,0	8,0	7,0	7,9	0012345678910	0123456789
16	17118027	Nguyễn Anh Duy	DH17CC			6,5	8,0	7,0	7,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02850

Trang 2/6

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: UD tin học trong thiết kế máy (207125) - 02

CBGD: Lê Văn Tuấn (807)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118034	Nguyễn Đức Duy	DH18CK			5,0	10,0	8,0	8,0	0012345678910	0123456789
18	17118029	Trần Minh Duy	DH17CC		✓	✓	✓	✓	✓	0012345678910	0123456789
19	19118052	Văn Thành Duy	DH19CK			6,0	8,0	7,0	7,1	0012345678910	0123456789
20	19118029	Nguyễn Hữu Đang	DH19CK			6,0	10,0	8,0	8,2	0012345678910	0123456789
21	19118034	Nguyễn Công Đạt	DH19CK		✓	✓	✓	✓	✓	0012345678910	0123456789
22	17154015	Hồ Thanh Điền	DH17OT			7,5	4,0	6,0	5,7	0012345678910	0123456789
23	19118040	Lê Văn Đô	DH19CK			8,5	8,0	5,0	6,6	0012345678910	0123456789
24	19118042	Trần Hữu Đức	DH19CK			0,7	10,0	0,0	3,1	0012345678910	0123456789
25	19118055	Lê Tấn Hải	DH19CC			10,0	10,0	8,0	9,0	0012345678910	0123456789
26	19118060	Dương Trung Hậu	DH19CC			10,0	10,0	6,0	8,0	0012345678910	0123456789
27	19118072	Lăng Ngọc Hoàng	DH19CK			0,0	4,0	5,0	3,7	0012345678910	0123456789
28	19154051	Lê Quang Hoàng	DH19OT		✓	✓	✓	✓	✓	0012345678910	0123456789
29	19118088	Hà Quang Huy	DH19CK			6,3	8,0	8,0	7,7	0012345678910	0123456789
30	19118093	Nguyễn Minh Huy	DH19CK			9,5	8,0	5,0	6,8	0012345678910	0123456789
31	19118081	Ngô Trung Hưng	DH19CK			3,3	3,0	6,0	4,6	0012345678910	0123456789
32	19118083	Nguyễn Duy Hưng	DH19CK			8,0	10,0	5,0	7,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02850

Trang 3/6

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: UD tin học trong thiết kế máy (207125) - 02

CBGD: Lê Văn Tuấn (807)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	18153035	Vũ Chúc Khiêm	DH18CD	<i>[Signature]</i>		9,5	5,0	4,0	5,4	0012345678910	0123456789
34	19118111	Đặng Hoàng Kiệt	DH19CK	<i>[Signature]</i>		9,5	8,0	6,0	7,3	0012345678910	0123456789
35	19118112	Ngô Tấn Kiệt	DH19CK	<i>[Signature]</i>		10,0	10,0	6,0	8,0	0012345678910	0123456789
36	19118113	Nguyễn Duy Kiệt	DH19CK	<i>[Signature]</i>		9,5	5,0	6,0	6,4	0012345678910	0123456789
37	19118118	Nguyễn Tùng Lâm	DH19CK	<i>[Signature]</i>		9,5	10,0	10,0	9,9	0012345678910	0123456789
38	19118121	Nguyễn Cảnh Liêm	DH19CK	<i>[Signature]</i>		8,5	10,0	8,0	8,7	0012345678910	0123456789
39	19118123	Nguyễn Như Linh	DH19CK		✓	✓	✓	✓	✓	0012345678910	0123456789
40	18118071	Huỳnh Quốc Long	DH18CK	<i>[Signature]</i>		7,5	3,0	7,0	5,9	0012345678910	0123456789
41	18118076	Phạm Văn Long	DH18CK	<i>[Signature]</i>		6,0	8,0	8,0	7,6	0012345678910	0123456789
42	19118127	Nguyễn Bình Lộc	DH19CK	<i>[Signature]</i>		9,7	5,0	10,0	8,4	0012345678910	0123456789
43	19154088	Phạm Đức Lộc	DH19OT	<i>[Signature]</i>		7,5	10,0	9,0	9,0	0012345678910	0123456789
44	19118128	Trần Thanh Lộc	DH19CK	<i>[Signature]</i>		8,5	5,0	7,0	6,7	0012345678910	0123456789
45	19118129	Nguyễn Bá Lợi	DH19CK	<i>[Signature]</i>		9,0	4,0	8,0	7,0	0012345678910	0123456789
46	19118137	Bùi Duy Lữ	DH19CK	<i>[Signature]</i>		3,0	3,0	5,0	4,0	0012345678910	0123456789
47	18118084	Vũ Quang Minh	DH18CK	<i>[Signature]</i>		9,0	0,0	4,0	3,8	0012345678910	0123456789
48	19118147	Hoàng Phương Nam	DH19CK	<i>[Signature]</i>		5,0	3,0	6,0	4,9	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: UD tin học trong thiết kế máy (207125) - 02

CBGD: Lê Văn Tuấn (807)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	19118148	Huỳnh Hoài Nam	DH19CK			2,7	3,0	6,0	4,4	0012345678910	0123456789
50	19118149	Lâm Nhật	DH19CK			5,0	4,0	7,0	5,7	0012345678910	0123456789
51	19118151	Trần Duy Nhật	DH19CK			2,3	5,0	6,0	5,0	0012345678910	0123456789
52	18118088	Lê Đại Nghĩa	DH18CC			9,3	10,0	10,0	9,9	0012345678910	0123456789
53	17153046	Ngô Thiên	DH17CD			7,5	8,0	7,0	7,4	0012345678910	0123456789
54	19118167	Phạm Thế Nhật	DH19CK			9,0	10,0	10,0	9,8	0012345678910	0123456789
55	19118168	Thân Văn Nhó	DH19CK		✓	✓	✓	✓	✓	0012345678910	0123456789
56	19118171	Trần Trường Phát	DH19CK		✓	✓	✓	✓	✓	0012345678910	0123456789
57	17153057	Nguyễn Đức Phúc	DH17CD			4,7	7,0	5,0	5,5	0012345678910	0123456789
58	19154119	Phạm Gia Phúc	DH19OT			9,5	8,0	9,0	8,8	0012345678910	0123456789
59	19118183	Phạm Công Phương	DH19CK			6,7	8,0	4,0	5,7	0012345678910	0123456789
60	19118184	Phạm Minh Phương	DH19CK			6,7	10,0	7,0	7,8	0012345678910	0123456789
61	18153058	Trần Minh Quang	DH18CD			9,0	10,0	8,0	8,8	0012345678910	0123456789
62	19118187	Trương Quang Quân	DH19CK			9,5	10,0	3,0	6,4	0012345678910	0123456789
63	19118191	Trương Thanh Quý	DH19CK			9,5	10,0	9,0	9,4	0012345678910	0123456789
64	19118193	Huỳnh Văn Quyết	DH19CK			8,0	8,0	9,0	8,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02850

Trang 5/6

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: UD tin học trong thiết kế máy (207125) - 02

CBGD: Lê Văn Tuấn (807)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
65	18153062	Nguyễn Ngọc Quỳnh	DH18CD			9,0	3,0	2,0	1,9	0002345678910	0123456789
66	14118237	Trần Quốc Sang	DH14CC			9,5	10,0	9,0	9,4	0012345678910	0123456789
67	19118198	Nguyễn Trường Sơn	DH19CK			4,5	5,0	7,0	5,9	0012345678910	0123456789
68	17154081	Phạm Trương Hồng Sơn	DH17OT		✓	✓	✓	✓	✓	0012345678910	0123456789
69	19153070	Trương Văn Thái	DH19CD		✓	✓	✓	✓	✓	0012345678910	0123456789
70	19118214	Lê Ngọc Thanh	DH19CK			4,7	8,0	6,0	6,3	0012345678910	0123456789
71	19153074	Đào Minh Thành	DH19CD			9,5	10,0	9,0	9,4	0012345678910	0123456789
72	17154093	Ngân Văn Thành	DH17OT			9,3	10,0	7,0	8,4	0012345678910	0123456789
73	19118216	Nguyễn Tiến Thành	DH19CK			9,5	9,0	2,0	5,6	0012345678910	0123456789
74	19118212	Trần Quốc Thắng	DH19CK		✓	✓	✓	✓	✓	0012345678910	0123456789
75	19118222	Nguyễn Trần Xuân Thiên	DH19CK		✓	✓	✓	✓	✓	0012345678910	0123456789
76	19118241	Trần Hữu Tín	DH19CK			10,0	10,0	6,0	8,0	0012345678910	0123456789
77	19118242	Phan Đặng Hoài Tinh	DH19CK			7,0	10,0	7,0	7,9	0012345678910	0123456789
78	19118244	Nguyễn Phúc Toại	DH19CC			9,5	9,0	9,0	9,1	0012345678910	0123456789
79	17153073	Nguyễn Minh Toàn	DH17CD			6,0	5,0	5,0	5,2	0012345678910	0123456789
80	19154900	Nguyễn Huy Toàn	DH19OT			5,0	10,0	8,0	8,0	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: UD tin học trong thiết kế máy (207125) - 02

CBGD: Lê Văn Tuấn (807)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
81	19118247	Trương Hữu Toàn	DH19CC		✓	✓	✓	✓	✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
82	19118252	Nguyễn Trần Minh Trí	DH19CK			8,0	5,0	6,0	6,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
83	18118164	Lê Minh	DH18CC	Leung		9,0	10,0	10,0	9,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
84	19118257	Trương Minh	DH19CK	Minh		1,7	5,0	2,0	5,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
85	19118259	Nguyễn Đức	DH19CK	Đức		7,0	6,0	7,0	6,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
86	19118264	Cao Linh	DH19CK	Linh		10,0	4,0	5,0	5,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
87	18153082	Hà Minh	DH18CD	Minh		8,0	5,0	6,0	6,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
88	19118271	Phạm Bá	DH19CK	Bá		8,5	9,0	8,0	8,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
89	19118274	Tăng Quốc	DH19CK	Quốc		10,0	10,0	6,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
90	19118276	Phạm Thái Bảo	DH19CK	Bảo		10,0	10,0	5,0	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
91	19118282	Nguyễn Quốc	DH19CK	Quốc		3,3	4,0	6,0	4,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●

Số lượng vắng: 11

Hiện diện: 80

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Phạm Văn Tuấn

Trương Quốc Tuấn

Phạm Văn Tuấn



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 02

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	20154005	NGUYỄN TUẤN ANH	DH200T			2	5		7,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	20154090	VÕ THIÊN CHÍ	DH200T			✓	✓		✓	● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	20154093	HỒ CHÍ CUÔNG	DH200T			2	7		9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	20154097	NGUYỄN TÂN DANH	DH200T			2	5		7,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	20154113	LÊ HOÀNG ĐỨC DUY	DH200T			2	5,5		7,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	20154014	QUÁCH DƯƠNG	DH200T			2	6		8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	20153063	NGUYỄN NHẬT THÀNH ĐẠT	DH20CD			2	6		8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	20154101	PHẠM ĐÌNH THÀNH ĐẠT	DH200T			2	5,5		7,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	20154144	TRẦN GIA HUY	DH200T			2	6		8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	20153053	HOÀNG HOÀI NAM	DH20CD			2	6		8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	20154171	NGUYỄN TRỌNG NGHỊ	DH200T			2	6,5		8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	20154181	PHẠM HOÀNG NHÂN	DH200T			2	6,5		8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	20120077	ĐÌNH CÔNG ĐẠI PHÁT	DH200T			2	6		8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	20154186	VŨ THỊNH PHÁT	DH200T			2	6,5		8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	20154188	CAO QUAN PHÚ	DH200T			2	6,5		8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	20154189	CAO THỂ PHÚ	DH200T			2	6,5		8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 02

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
17	20154202	NGUYỄN THẾ QUANG	DH200T			V	V		V	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	20154203	HỒ VĂN NGỌC	QUÍ			2	6,5		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
19	20154205	TRẦN HỮU QUỐC	DH200T			2	5		7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	20154206	HUỖNH AN QUYỀN	DH200T			2	6,5		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
21	20154211	NGUYỄN NGỌC PHÁT SANG	DH200T			V	V		V	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	20154213	NGUYỄN TIẾN SĨ	DH200T			2	5		7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	20154219	NGUYỄN TIẾN THẠNH	DH200T			2	6,5		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
24	20154062	HUỖNH MINH THÔNG	DH200T			2	6		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	20154230	NGUYỄN HỮU TRÍ	DH200T			2	4,5		6,5	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
26	20154242	CAO TRỌNG VĂN	DH200T			2	6		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Nguyễn Văn Kiệp


N. V. Kiệp

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 03

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	20154081	NGUYỄN PHAN NGỌC ANH	DH200T			2	5		7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	20154087	ABDUL BARI	DH200T			2	5		7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	20154112	HUỖNH KHÁNH DUY	DH200T			V	V		V	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	20154103	DƯƠNG QUỐC ĐÔNG	DH200T			2	6,5		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
5	20154022	HỒ HOÀNG HẢO	DH200T			2	5		7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	20154123	HOÀNG HỒNG HẬU	DH200T			2	4,5		6,5	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
7	20154131	HUỖNH VŨ HOÀI	DH200T			2	6,5		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
8	20154137	PHAN QUÝ HÙNG	DH200T			2	6		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	20154142	NGUYỄN VŨ NHẬT HUY	DH200T			2	6		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	20154024	PHÙNG QUỐC HUY	DH200T			2	6,5		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
11	20154158	HOÀNG KIM LÂN	DH200T			2	5		7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	20154166	NGUYỄN VĂN MINH	DH200T			2	6,5		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
13	20154168	ĐẬU PHƯƠNG NAM	DH200T			2	6,5		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
14	20154173	BÙI TÁ NGHĨA	DH200T			2	6		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	20154178	NGUYỄN VĂN NHỰT NGUYỄN	DH200T			V	V		V	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	20154183	CAO NGUYỄN THÀNH PHÁT	DH200T			2	6,5		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 03

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	20154196	NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG	DH200T			2	5		7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	20154198	ĐỖ HOÀNG QUÂN	DH200T			2	5		7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	20154210	NGUYỄN ĐỖ HỮU SANG	DH200T			2	5,5		7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
20	20154216	HUỖNH DUY TÂN	DH200T			2	6,5		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
21	20154220	NGUYỄN HOÀNG THIÊN	DH200T			2	5		7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	20154221	NGUYỄN THANH THIÊN	DH200T			2	6,5		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
23	20154222	PHAN HỮU THIÊN	DH200T			2	6,5		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
24	20154237	NGUYỄN XUÂN TRUÔNG	DH200T			2	5		7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	20154238	LÊ HOÀNG TUẤN	DH200T			2	5		7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	20154075	NGUYỄN TUẤN VŨ	DH200T			2	5		7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Quincy Quay Tindal

N. V. Kiệp

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	20154080	LÊ TUẤN ANH	DH200T			2	7		9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	20154086	NGUYỄN TRẦN NHẬT BẢO	DH200T			2	5		7,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	20154010	LÊ QUANG CÔNG	DH200T			2	6,5		8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	20154115	NGUYỄN THÀNH DUY	DH200T			2	5		7,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	20154102	ĐẶNG THIỀU ĐÌNH	DH200T			2	4,5		6,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	20154105	NGUYỄN TRỌNG ĐỨC	DH200T			2	5,5		7,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	20154106	NGUYỄN VĂN ĐỨC	DH200T			2	4,5		6,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	20154117	LÊ TUẤN TRƯỜNG GIANG	DH200T			2	5		7,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	20154122	VŨ ANH HÀO	DH200T			2	6,5		8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	20154124	PHẠM NGUYỄN QUỐC HẬU	DH200T			2	6,5		8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	20154126	VÕ CÔNG HIỀN	DH200T			2	6,5		8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	20154133	NGUYỄN VĂN HOÀNG	DH200T			2	5		7,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	20154138	NGUYỄN MINH HÙNG	DH200T			2	6,5		8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	20154139	TRẦN HỮU HÙNG	DH200T			2	5		7,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	20154148	CHÂU QUỐC VIỆT KHÁNH	DH200T			2	6,5		8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	20154150	NGUYỄN HOÀNG BẢO KHÁNH	DH200T			2	5,5		7,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 04

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	20154165	NGUYỄN TIẾN MẠNH	DH200T			2	4,5		6,5	0012345●78910	01234●6789
18	20153107	HỒ GIA PHONG	DH20CD			V	V		V	●012345678910	0123456789
19	20154191	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	DH200T			2	6		8,0	001234567●910	●123456789
20	20154197	ĐỖ ANH QUÂN	DH200T			2	6		8,0	001234567●910	●123456789
21	20154208	ĐÀO MINH QUYẾT	DH200T			2	6,5		8,5	001234567●910	01234●6789
22	20154049	PHẠM NGỌC DIỄM QUỲNH	DH200T			2	6		8,0	001234567●910	●123456789
23	20154226	NGUYỄN ĐẶNG TIỀN	DH200T			2	6		8,0	001234567●910	●123456789
24	20154229	NGUYỄN QUỐC TRÃI	DH200T			2	4,5		6,5	0012345●78910	01234●6789
25	20154240	TRẦN NHẬT TUẤN	DH200T			2	5		7,0	00123456●8910	●123456789
26	20154241	TRƯƠNG QUANG TUẤN	DH200T			2	5		7,0	00123456●8910	●123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Trưởng Bộ Môn


N.V. Kiệp

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 05

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	20154079	ĐIỀN TUẤN ANH	DH20OT			2	6,5		8,5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	20154085	HUỖNH GIA BẢO	DH20OT			2	6		8,0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	20154089	PHẠM THÁI BÌNH	DH20OT			2	5		7,0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	20154092	NGUYỄN THÀNH CÔNG	DH20OT			✓	✓		✓	● ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	20154108	NGUYỄN TRUNG DŨNG	DH20OT			2	5,5		7,5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	20154114	NGUYỄN THÀNH DUY	DH20OT			2	5		7,0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	20154111	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	DH20OT			2	6,5		8,5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	20154127	ĐẶNG TRUNG HIẾU	DH20OT			2	4,5		6,5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	20154140	BÙI THANH HUY	DH20OT			2	5,5		7,5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	20154141	NGUYỄN MINH HUY	DH20OT			2	6,5		8,5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	20154149	HOÀNG LÊ MINH KHÁNH	DH20OT			2	5,5		7,5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	20153091	NGUYỄN ĐÌNH KHIÊM	DH20CD			2	5,5		7,5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	20154151	TRẦN MẠC ANH KHOA	DH20OT			2	5,5		7,5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	20153094	NGUYỄN ANH KIẾT	DH20CD			2	6		8,0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
15	20154160	TRẦN NGỌC LINH	DH20OT			2	5,5		7,5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	20154169	NGUYỄN THÀNH NAM	DH20OT			2	6		8,0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 05

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	20153106	LÊ THÀNH NHẬT	DH20CD			2	6		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	20154187	ÂU THIÊN PHÚ	DH20OT			2	6,5		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	20154195	PHÙNG THANH PHƯỚC	DH20OT			2	5		7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	20154201	HUỖNH NGỌC QUANG	DH20OT			2	4,5		6,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	20154200	NGUYỄN MẠNH QUÂN	DH20OT			2	5		7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	20154209	TRẦN CHÍ QUYẾT	DH20OT			2	6		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	20154212	NGUYỄN THANH SANG	DH20OT			2	6,5		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	20154239	PHẠM MINH TUẤN	DH20OT			2	5		7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	20153134	TRIỆU ANH TUẤN	DH20CD			2	6		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	20153139	LÊ HUỖNH CÔNG VIỆT	DH20CD			✓	✓		✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhân của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

72
Tidy Every Thing

Ưng
N. V. Kiệp



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 06

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	20154006	NGUYỄN XUÂN BÁCH	DH200T			2	5		7,0	0012345678910	0123456789
2	20154134	NGUYỄN VÕ HUY HOÀNG	DH200T			2	5,5		7,5	0012345678910	0123456789
3	20154136	NGUYỄN THỊ THU HỒNG	DH200T			2	6		8,0	0012345678910	0123456789
4	20154146	NGUYỄN QUỐC KHÁI	DH200T			2	5		7,0	0012345678910	0123456789
5	20154147	DƯƠNG TRÍ KHANG	DH200T			2	6,5		8,5	0012345678910	0123456789
6	20154152	VÕ NGUYỄN KHÔI	DH200T			2	6		8,0	0012345678910	0123456789
7	20154153	NGUYỄN VĂN KIÊN	DH200T			2	6,5		8,5	0012345678910	0123456789
8	20154155	MAI THANH LÂM	DH200T			2	6		8,0	0012345678910	0123456789
9	20154159	NGUYỄN CÔNG LINH	DH200T			2	6		8,0	0012345678910	0123456789
10	20154170	TRẦN THANH NAM	DH200T			2	5,5		7,5	0012345678910	0123456789
11	20154176	PHẠM TRỌNG CÔNG NGHĨA	DH200T			2	5		7,0	0012345678910	0123456789
12	20154172	TRẦN TRUNG NGHỊ	DH200T			2	5		7,0	0012345678910	0123456789
13	20154174	NGUYỄN TIẾN NGHĨA	DH200T			2	5,5		7,5	0012345678910	0123456789
14	20154175	NGUYỄN TRUNG NGHĨA	DH200T			2	5		7,0	0012345678910	0123456789
15	20154179	TRƯƠNG QUỐC NGUYỄN	DH200T			2	5		7,0	0012345678910	0123456789
16	20154193	THÁI TRẦN HỒNG PHÚC	DH200T			2	5		7,0	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 06

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	20154207	NGUYỄN THẾ QUYỀN	DH200T			2	4,5		6,5	0012345678910	0123456789
18	20154055	HUỖNH THANH TÂM	DH200T			2	6		8,0	0012345678910	0123456789
19	20154218	NGUYỄN QUANG THÀNH	DH200T			2	6		8,0	0012345678910	0123456789
20	20154224	CHAU CHANH THU	DH200T			2	5		7,0	0012345678910	0123456789
21	20154228	HÀ HỮU TỊNH	DH200T			2	6,5		8,5	0012345678910	0123456789
22	20154231	NGUYỄN HỮU TRÍ	DH200T			2	4,5		6,5	0012345678910	0123456789
23	20154232	PHẠM MINH TRÍ	DH200T			2	4,5		6,5	0012345678910	0123456789
24	20154233	ĐỖ NGỌC TRIẾT	DH200T			2	4,5		6,5	0012345678910	0123456789
25	20154234	ĐẶNG BÌNH TRIỆU	DH200T			2	5,5		7,5	0012345678910	0123456789
26	20154235	NGUYỄN HÒ QUỐC TRUNG	DH200T			2	5,5		7,5	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Trương Công Tuấn

N. V. Kiệp

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

CBGD: Nguyễn Thị Phương Thảo (707)

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Văn Kiệp

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Hoc kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 02

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1	Đ2	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
							%	%				
1	20153072	ĐỖ MẠNH	DŨNG	DH20CD			5	2		7,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	20153062	VÕ VĂN	ĐẠO	DH20CD			4,2	2,6		6,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
3	20153071	VŨ A	ĐỨC	DH20CD			5,6	2,2		7,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
4	20153081	VŨ ĐÌNH	HOÀNG	DH20CD			V	V		V	● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	20153084	VÕ PHI	HÙNG	DH20CD			5	2,5		7,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	20153088	LÝ QUỐC	HUY	DH20CD			V	V		V	● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	20153089	TRƯƠNG NGÔ MINH	HUY	DH20CD			4,5	2,6		7,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	20153016	ĐỖ MINH	KHOA	DH20CD			V	V		V	● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	20153095	NGUYỄN TRẦN NHẬT LINH		DH20CD			3,1	2,5		5,6	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
10	18153043	Nguyễn Thành	Long	DH18CD			4,2	2,5		6,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
11	20153098	NGUYỄN MINH	LUÂN	DH20CD			V	V		V	● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	20153053	HOÀNG HOÀI	NAM	DH20CD			4,8	2,5		7,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	19130141	Phạm Hoàng	Nam	DH19OT			5,3	2,3		7,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
14	20153108	TẠ CHIÊU	PHONG	DH20CD			4,5	2,6		7,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	20153110	BÙI ĐỨC	PHÚC	DH20CD			4,2	1,9		6,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	20153112	ĐOÀN HOÀNG	PHÚC	DH20CD			4,5	1,9		6,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

CBGD: Trần Văn Đông (826)

Trần Văn Tông

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 03

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1	Đ2	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phân nguyên	Tô điểm lẻ
						%	%				
1	20153054	TRƯƠNG LÊ HOÀI AN	DH20CD			4,5	2		6,5	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
2	20153059	LÊ TRƯỜNG CHINH	DH20CD			4,8	2,5		7,3	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
3	20153061	MA VĂN DANH	DH20CD			5	2		7,0	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	20153068	TRƯƠNG QUANG DENNI	DH20CD			V	V		V	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	20153069	NGUYỄN THÀNH DIỆN	DH20CD			5,3	2,4		7,7	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
6	20153073	NGUYỄN PHƯƠNG DUY	DH20CD			4,8	2,6		7,4	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
7	20153063	NGUYỄN NHẬT THẦN ĐẠT	DH20CD			4,8	2,4		7,2	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	20153060	PHẠM HẢI ĐĂNG	DH20CD			4,8	1,9		6,7	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
9	20153070	NGUYỄN NGỌC ĐÌNH	DH20CD			4,8	2		6,8	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
10	20153075	NGUYỄN CHÍ HIẾU	DH20CD			5	2,2		7,2	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	20153079	HOÀNG TRỌNG HÒA	DH20CD			4,8	2,6		7,4	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
12	20153080	ĐOÀN HUY HOÀNG	DH20CD			5	2,6		7,6	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
13	20153082	NGUYỄN THANH HƠN	DH20CD			4,8	2		6,8	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
14	20153087	HỒ GIA HUY	DH20CD			4,2	1,8		6,0	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	20153092	NGUYỄN EM HOÀNG KHOA	DH20CD			4,8	2,3		7,1	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	20153093	NGUYỄN TRUNG KIÊN	DH20CD			4,8	2,4		7,2	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 03

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	20153097	NGUYỄN MINH LUÂN	DH20CD			4,8	2,5		7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
18	20153103	TRẦN THUYẾT MINH	DH20CD			4,8	2		6,8	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
19	20153104	NGUYỄN HOÀI NAM	DH20CD			5	2,3		7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
20	20153109	TRẦN VĨNH PHÚ	DH20CD			4,8	2		6,8	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
21	20153113	LÊ VĂN PHÚC	DH20CD			5,3	2,5		7,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
22	20153116	PHẠM MẠNH QUỐC	DH20CD			4,8	2		6,8	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
23	20153126	TRẦN TRƯƠNG MINH THỐNG	DH20CD			5	2		7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	20153134	TRIỆU ANH TUẤN	DH20CD			4,8	2,5		7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
25	20153138	TRẦN TUẤN VĨ	DH20CD			4,2	2		6,2	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
26	20153139	LÊ HUỖNH CÔNG VIỆT	DH20CD			5,3	2,3		7,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
27	20153044	TRƯƠNG HẢI VIỆT	DH20CD			4,8	2,2		7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Trường Giang Tuấn


Trần Văn Đông



Mã nhận dạng 03498

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH21CK_02**

Tổ Thi **001_DH21CK_02**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD205**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	21118168	Vũ Đình Đông An	DH21CK	An		10	6,8	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
2	21118170	Lê Quốc Anh	DH21CK	Anh		9,0	7,3	2,5	4,6	0012345678910	0123456789
3	21118174	Huỳnh Minh Bảo	DH21CK	Bao		10	7,4	6,3	7,0	0012345678910	0123456789
4	21118180	Nguyễn Văn Buôi	DH21CK	Bui		10	7,4	6,0	6,8	0012345678910	0123456789
5	21118184	Nguyễn Thành Cua	DH21CK							0012345678910	0123456789
6	21118185	Nguyễn Ngọc Cương	DH21CK	Cuong		8,0	7,4	8,3	8,0	0012345678910	0123456789
7	21118186	Trần Ngạn Cương	DH21CK							0012345678910	0123456789
8	21118189	Nguyễn Quốc Cường	DH21CK	Cuong		10	7,0	6,0	6,7	0012345678910	0123456789
9	21118190	Nguyễn Quốc Cường	DH21CK	Cuong		10	8,7	7,8	8,3	0012345678910	0123456789
10	21118196	Nguyễn Văn Danh	DH21CK							0012345678910	0123456789
11	21118214	Dương Nhất Duy	DH21CK	Duy		10	6,4	5,3	6,1	0012345678910	0123456789
12	21118215	Lương Hoàng Anh Duy	DH21CK	Duy		10	1,5	3,3	3,4	0012345678910	0123456789
13	21118217	Nguyễn Bảo Duy	DH21CK	Duy		9	6,7	7,3	6,4	0012345678910	0123456789
14	21118218	Nguyễn Ngọc Duy	DH21CK	Duy		9,0	7,4	7,8	7,8	0012345678910	0123456789
15	21118043	Trần Khánh Duy	DH21CK	Duy		10	5,9	2,5	4,3	0012345678910	0123456789
16	21118211	Hà Lâm Văn Dương	DH21CK	Duong		10	7,0	5,8	6,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03498

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Nhóm Thi **DH21CK_02**

Ngày Thi **04/07/2022**

Tổ Thi **001_DH21CK_02**

Giờ Thi **09:45**

Số Tin Ch 3

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Phòng Thi **HD205**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	21118198	Dương Đức	Đạo	DH21CK		10	6,1	2,8	4,5	0012345678910	0123456789
18	21118199	Đào Đức	Đạt	DH21CK		10	6,7	4,3	5,6	0012345678910	0123456789
19	21118200	Hoàng Văn	Đạt	DH21CK		10	6,0	7,0	7,0	0012345678910	0123456789
20	21118204	Vũ Tiến	Đạt	DH21CK		10	6,0	8,0	7,6	0012345678910	0123456789
21	21118194	Đào Hải	Đặng	DH21CK		10	7,5	6,0	6,9	0012345678910	0123456789
22	21118206	Tô Phạm Hữu	Đức	DH21CK		10	7,7	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
23	21118226	Nguyễn Hoàng	Hào	DH21CK		10	5,8	7,0	6,9	0012345678910	0123456789
24	21118227	Võ Hoàng	Hào	DH21CK		8,0	7,5	6,8	7,1	0012345678910	0123456789
25	21118050	Lê Trần Phúc	Hậu	DH21CK		10	4,0	3,5	4,3	0012345678910	0123456789
26	21118228	Nguyễn Công	Hậu	DH21CK		10	5,1	2,0	3,7	0012345678910	0123456789
27	21118230	Hoa Xoài	Hên	DH21CK		10	7,0	6,0	6,7	0012345678910	0123456789
28	21118232	Cao Thái	Hiên	DH21CK		10	6,5	5,8	6,4	0012345678910	0123456789
29	21118235	Phạm Minh	Hiếu	DH21CK		10	7,0	6,5	7,0	0012345678910	0123456789
30	21118237	Hứa Minh	Hòa	DH21CK		10	5,7	4,0	5,1	0012345678910	0123456789
31	21118238	Nguyễn Phúc	Hòa	DH21CK		10	7,7	7,3	7,7	0012345678910	0123456789
32	21118240	Đỗ Cao Huy	Hoàng	DH21CK		10	5,0	2,5	4,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03498

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH21CK_02**

Tổ Thi **001_DH21CK_02**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD205**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 40%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	21118242	Nguyễn Duy Hoàng	DH21CK			8.0	0	2.0	2.0	0010345678910	0123456789
34	21118244	Nguyễn Minh Hoàng	DH21CK							0012345678910	0123456789
35	21118248	Nguyễn Thế Hùng	DH21CK			10	7.2	7.5	7.7	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 3. Số sinh viên vắng 4.

Ngày 06 Tháng 07 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 03499

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH21CK_02**

Tổ Thi **002_DH21CK_02**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **CT101**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 31%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	21118255	Hồ Quốc Huy	DH21CK			10	8,8	7,8	8,3	001234567●910	012●456789
2	21118257	Nguyễn Chánh Huy	DH21CK			10	7,2	8,0	8,0	001234567●910	●123456789
3	21118259	Nguyễn Trần Gia Huy	DH21CK			10	6,7	5,5	6,3	0012345●78910	012●456789
4	21118265	Hồ Thị Như Huỳnh	DH21CK			10	8,3	7,8	8,2	001234557●910	01●3456789
5	21118062	Ngô Trí Hưng	DH21CK			10	6,7	8,0	7,8	00123456●8910	01234567●9
6	21118252	Trần Nguyễn Hưng	DH21CK			10	8,4	9,0	8,9	001234567●910	012345678●
7	21118253	Trần Tiến Hưng	DH21CK			10	5,6	4,5	5,4	001234●678910	0123●56789
8	21118073	Lê Đình Khả	DH21CK			6,0	6,6	3,8	4,9	00123●5678910	012345678●
9	21118268	Nguyễn Ngọc Khang	DH21CK			10	6,7	5,0	6,0	0012345●78910	●123456789
10	21118270	Nguyễn Văn Khánh	DH21CK			10	6,7	4,8	5,9	001234●678910	012345678●
11	21118271	Danh Võ Anh Khoa	DH21CK			10	8,1	3,8	5,7	001234●678910	0123456●89
12	21118278	Nông Trung Kiên	DH21CK			10	6,3	3,3	4,9	00123●5678910	012345678●
13	21118280	Bùi Tuấn Kiệt	DH21CK			10	6,8	3,5	5,1	001234●678910	0●23456789
14	21118281	Đào Duy Kiệt	DH21CK			10	7,6	9,0	8,7	001234567●910	0123456●89
15	21118282	Nguyễn Tuấn Kiệt	DH21CK			10	7,5	7,8	6,7	0012345●78910	0123456●89
16	21118287	Huỳnh Hữu Kỳ	DH21CK							●012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03499

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH21CK_02**

Tổ Thi **002_DH21CK_02**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi

CT101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	21118293	Trương Duy Lành	DH21CK			10	6,8	6,0	6,6	0012345678910	0123456789
18	21118084	Lê Hoàng Lâm	DH21CK			10	9,0	7,5	8,2	0012345678910	0123456789
19	21118289	Lý Nhật Lâm	DH21CK			10	6,0	3,0	4,6	0012345678910	0123456789
20	21118290	Nguyễn Duy Lâm	DH21CK							0012345678910	0123456789
21	21118291	Nguyễn Hoàng Lâm	DH21CK			10	5,8	7,3	7,1	0012345678910	0123456789
22	21118292	Nguyễn Sơn Lâm	DH21CK							0012345678910	0123456789
23	21118296	Châu Vũ Lộc	DH21CK			9,0	5,2	4,5	5,2	0012345678910	0123456789
24	21118298	Trần Hà Trung Lợi	DH21CK			10	7,7	5,3	6,5	0012345678910	0123456789
25	21118300	Nguyễn Quý Luân	DH21CK			10	6,5	4,0	5,4	0012345678910	0123456789
26	21118302	Phan Minh Luân	DH21CK			10	7,9	2,0	4,6	0012345678910	0123456789
27	21118303	Ngô Minh Mẫn	DH21CK			10	7,4	6,5	7,1	0012345678910	0123456789
28	21118304	Nguyễn Ngọc Mẫn	DH21CK			10	7,7	8,8	8,6	0012345678910	0123456789
29	21118309	Nguyễn Văn Minh	DH21CK			10	7,2	7,0	7,4	0012345678910	0123456789
30	21118313	Đồng Hữu Nam	DH21CK			10	6,2	6,3	6,6	0012345678910	0123456789
31	21118314	Nguyễn Trần Phương Nam	DH21CK			10	6,5	5,3	6,1	0012345678910	0123456789
32	21118315	Phan Thành Nam	DH21CK			10	7,0	6,0	6,7	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 03499

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH21CK_02**

Tổ Thi **002_DH21CK_02**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **CT101**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	21118324	Nguyễn Hiếu Nhân	DH21CK			10	7,8	8,3	8,3	0012345678910	0123456789
34	21118328	Nguyễn Minh Nhật	DH21CK							0012345678910	0123456789
35	21118329	Phạm Anh Nhật	DH21CK			8,0	9	5,8	4,3	0012345678910	0123456789
36	21118104	Trần Hồ Anh	DH21CK			10	6,5	6,0	6,6	0012345678910	0123456789
37	21118331	Phạm Kim Niên	DH21CK			10	7,1	7,8	7,8	0012345678910	0123456789
38	21118107	Lý Huỳnh Tấn	DH21CK			10	7,4	7,3	7,6	0012345678910	0123456789
39	21118335	Nguyễn Trần Thanh	DH21CK			10	7,6	6,8	7,4	0012345678910	0123456789
40	21118338	Đoàn Đại	DH21CK			10	7,7	4,0	5,7	0012345678910	0123456789
41	21118117	Nguyễn Minh Phương	DH21CK			10	1,9	1,0	2,2	0012345678910	0123456789
42	21118121	Dùng Thanh Sang	DH21CK			10	6,3	6,0	6,5	0012345678910	0123456789
43	21118138	Hà Xuân Thịnh	DH21CK							0012345678910	0123456789
44	21118143	Nguyễn Minh Thuận	DH21CK			10	6,4	7,0	7,1	0012345678910	0123456789
45	21118163	Dương Hàn Vũ	DH21CK			10	7,8	8,3	8,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03499

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH21CK_02**

Tổ Thi **002_DH21CK_02**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **CT101**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 40. Số sinh viên vắng 5....

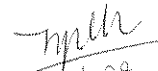
Ngày 06 Tháng 07 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

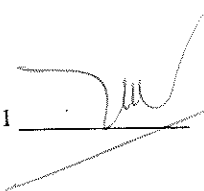
Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____ Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Nguyễn Thị Phương Thảo


Đặng Vĩnh Quang


Phòng Quang Tuấn


Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 03500

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH21NL_03**

Tổ Thi **001_DH21NL_03**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD201**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	21137042	Huỳnh Phúc An	DH21NL	<i>An</i>		10	7,9	7,0	7,6	0012345678910	0123456789
2	21137043	Đinh Hoàng Anh	DH21NL							0012345678910	0123456789
3	21137044	Nguyễn Vũ Hoàng Anh	DH21NL	<i>Anh</i>		10	8,2	8,0	8,3	0012345678910	0123456789
4	21137047	Nguyễn Nhật Bảo	DH21NL	<i>Bao</i>		9,0	7,8	7,8	7,9	0012345678910	0123456789
5	21137048	Trần Xuân Bảo	DH21NL							0012345678910	0123456789
6	21137045	Trịnh Tuấn Bằng	DH21NL	<i>Bằng</i>		10	8,0	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
7	21137049	Trần Thanh Bình	DH21NL	<i>Bình</i>		10	7,1	6,8	7,2	0012345678910	0123456789
8	21137050	Đặng Mậu Quốc Cảnh	DH21NL	<i>Cảnh</i>		10	7,8	5,8	6,8	0012345678910	0123456789
9	21137051	Võ Ngọc Chinh	DH21NL	<i>Chinh</i>		10	6,7	7,0	7,2	0012345678910	0123456789
10	21137052	Đặng Văn Cường	DH21NL	<i>Cường</i>		10	7,8	6,0	6,9	0012345678910	0123456789
11	21137053	Hoàng Gia Cường	DH21NL	<i>Cường</i>		10	6,4	6,5	6,8	0012345678910	0123456789
12	21137054	Tạ Quốc Cường	DH21NL	<i>Cường</i>		10	6,9	7,3	7,5	0012345678910	0123456789
13	21137064	Bùi Ngọc Khánh Duy	DH21NL	<i>Duy</i>		10	7,2	7,8	7,8	0012345678910	0123456789
14	21137006	Nguyễn Bảo Duy	DH21NL	<i>Duy</i>		10	8,9	8,5	8,8	0012345678910	0123456789
15	21137055	Nguyễn Văn Đại	DH21NL	<i>Đại</i>		10	8,4	8,8	8,8	0012345678910	0123456789
16	21137056	Đoàn Tiến Đạt	DH21NL	<i>Đạt</i>		10	7,8	8,8	8,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03500

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH21NL_03**

Tổ Thi **001_DH21NL_03**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD201**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	21137058	Hà Văn Đạt	DH21NL			10	77	5,0	6,3	0012345678910	0123456789
18	21137059	Nguyễn Thành Đạt	DH21NL			10	82	7,0	7,7	0012345678910	0123456789
19	21137060	Nguyễn Thiên Định	DH21NL							0012345678910	0123456789
20	21137005	Trần Thành Đò	DH21NL			10	76	6,5	7,2	0012345678910	0123456789
21	21137062	Cao Hữu Đông	DH21NL			10	61	5,8	6,3	0012345678910	0123456789
22	21137063	Nguyễn Minh Đức	DH21NL			10	65	6,5	6,9	0012345678910	0123456789
23	21137067	Trần Nguyễn Hoàng Gia	DH21NL							0012345678910	0123456789
24	21137069	Dương Tiến Hải	DH21NL			10	70	8,8	8,4	0012345678910	0123456789
25	21137070	Trương Ngọc Hải	DH21NL			10	73	6,8	7,3	0012345678910	0123456789
26	21137071	Nguyễn Văn Hào	DH21NL			10	83	7,0	7,7	0012345678910	0123456789
27	21137009	Nguyễn Thanh Hiền	DH21NL			10	62	8,3	7,8	0012345678910	0123456789
28	21137073	Trần Hưng Hiền	DH21NL			10	49	7,0	6,7	0012345678910	0123456789
29	21137074	Huỳnh Ngọc Hiền	DH21NL							0012345678910	0123456789
30	21137010	Nguyễn Quốc Hiệp	DH21NL							0012345678910	0123456789
31	21137075	Thái Văn Hiệp	DH21NL			10	82	7,8	8,1	0012345678910	0123456789
32	21137011	Phan Xuân Hiếu	DH21NL			10	61	4,3	5,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03500

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH21NL_03**

Tổ Thi **001_DH21NL_03**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD201**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	21137077	Nguyễn Huy Hoàng	DH21NL	Huỳnh		10	76	4,8	6,2	0012345678910	0123456789
34	21137078	Nguyễn Huy Hoàng	DH21NL							0012345678910	0123456789
35	21137080	Trần Nhật Hùng	DH21NL	Huy		10	75	9,0	8,7	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 28. Số sinh viên vắng 8....

Ngày 06 Tháng 07 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phường Quang Trung

Nguyễn Nam An

Phường Quang Trung

Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 03501

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH21NL_03**

Tổ Thi **002_DH21NL_03**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV201**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	21137082	Huỳnh Văn Huy	DH21NL	Huy		10	77	6,0	6,9	0012345678910	0123456789
2	21137083	Lương Quốc Huy	DH21NL	Huy		10	73	5,0	6,2	0012345678910	0123456789
3	21137084	Nguyễn Minh Huy	DH21NL	Huy		10	26	13	2,6	0012345678910	0123456789
4	21137085	Phạm Nhật Huy	DH21NL	Huy		10	62	5,0	5,9	0012345678910	0123456789
5	21137086	Tổng Nguyễn Gia Huy	DH21NL	Huy		10	80	3,8	5,7	0012345678910	0123456789
6	21137013	Mai Tuấn Hưng	DH21NL	Hưng		10	62	28	4,5	0012345678910	0123456789
7	21137081	Trần Vũ Hưng	DH21NL	Hưng		10	80	6,3	7,2	0012345678910	0123456789
8	21137087	Dương Khang	DH21NL	Khang		10	79	88	8,7	0012345678910	0123456789
9	21137089	Trần Đăng Khoa	DH21NL	Khoa		8,0	5,7	6,0	6,1	0012345678910	0123456789
10	21137090	Đoàn Quang Khôi	DH21NL	Khôi						0012345678910	0123456789
11	21137091	Lê Hoàng Khôi	DH21NL	Khôi		10	75	5,8	6,7	0012345678910	0123456789
12	21137092	Nguyễn Đăng Khôi	DH21NL	Khôi						0012345678910	0123456789
13	21137094	Trần Công Khương	DH21NL	Khương		10	95	88	9,1	0012345678910	0123456789
14	21137098	Đoàn Bùi Thanh Liêm	DH21NL	Liêm		10	74	4,5	5,9	0012345678910	0123456789
15	21137018	Nguyễn Phát Lộc	DH21NL	Lộc		10	74	4,0	5,6	0012345678910	0123456789
16	21137101	Thái Lạc Quán Lương	DH21NL	Lương		10	71	5,5	6,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03501

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH21NL_03**

Tổ Thi **002_DH21NL_03**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi

TV201

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	21137102	Đỗ Trọng Mạnh	DH21NL	Mạnh		10	7,2	7,0	7,4	0012345678910	0123456789
18	21137103	Nguyễn Đức Mạnh	DH21NL	Đức		10	7,6	9,0	8,7	0012345678910	0123456789
19	21137105	Nguyễn Anh Minh	DH21NL	Anh		10	6,2	5,0	5,9	0012345678910	0123456789
20	21137106	Nguyễn Khắc Phương Nam	DH21NL	Phu		10	5,5	3,3	4,6	0012345678910	0123456789
21	21137109	Nguyễn Thái Nguyên	DH21NL	T. Nguyen		10	7,3	4,0	5,6	0012345678910	0123456789
22	21137111	Quách Viết Nguyên	DH21NL	V. Quach		10	7,2	5,0	6,2	0012345678910	0123456789
23	21137108	Bùi Thành Ngự	DH21NL	Th		9,0	5,5	4,5	5,3	0012345678910	0123456789
24	21137112	Đặng Phú Nhâm	DH21NL	Phu		10	8,4	4,8	6,4	0012345678910	0123456789
25	21137113	Nguyễn Lê Duy Nhật	DH21NL	Phu		10	2,9	1,0	2,5	0012345678910	0123456789
26	21137114	Nguyễn Hoài Nhuận	DH21NL	Nhuan		10	8,0	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
27	21137115	Nguyễn Ngọc Phong	DH21NL	Phong		10	8,5	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
28	21137116	Trương Hoàng Phú	DH21NL	Phu		10	6,5	7,8	7,6	0012345678910	0123456789
29	21137117	Huỳnh Trọng Phúc	DH21NL	Phu		10	5,7	3,3	4,7	0012345678910	0123456789
30	21137118	Nguyễn Hữu Phúc	DH21NL	Phu		10	8,5	6,5	7,5	0012345678910	0123456789
31	21137119	Nguyễn Văn Phúc	DH21NL	Phu		10	7,6	6,3	7,1	0012345678910	0123456789
32	21137120	Nguyễn Thành Phước	DH21NL	Phu		10	8,3	7,8	8,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03501

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH21NL_03**

Tổ Thi **002_DH21NL_03**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi

TV201

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	21137022	Phạm Ngọc Phước	DH21NL			10	6,8	6,0	6,6	0012345678910	0123456789
34	21137124	Đoàn Duy Quang	DH21NL			10	6,9	6,8	7,2	0012345678910	0123456789
35	21137125	Nguyễn Vũ Khôi	DH21NL							0012345678910	0123456789
36	21137126	Tô Văn Quang	DH21NL			10	7,9	7,0	7,6	0012345678910	0123456789
37	21137122	Đoàn Minh Quân	DH21NL			10	9,4	2,8	5,5	0012345678910	0123456789
38	21137123	Nguyễn Khắc Minh	DH21NL			10	8,0	8,8	8,7	0012345678910	0123456789
39	21137128	Phạm Ngọc Sáng	DH21NL			10	5,0	5,0	5,5	0012345678910	0123456789
40	21137129	Phan Tiến Sỹ	DH21NL			10	7,2	5,3	6,3	0012345678910	0123456789
41	21137130	Hồ Chí Tâm	DH21NL			10	7,2	5,4	6,4	0012345678910	0123456789
42	21137131	Huỳnh Trọng Tấn	DH21NL			10	7,0	5,5	6,4	0012345678910	0123456789
43	21137132	Phan Văn Thà	DH21NL			10	1,3	7,0	5,6	0012345678910	0123456789
44	21137037	Phan Đình Trung	DH21NL			10	7,3	4,5	5,9	0012345678910	0123456789
45	21137039	Nguyễn Quang Vinh	DH21NL			10	7,8	7,8	8,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03501

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Vẽ kỹ thuật 1(207138)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH21NL_03

Tổ Thi 002_DH21NL_03

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 04/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV201

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 42 Số sinh viên vắng 3

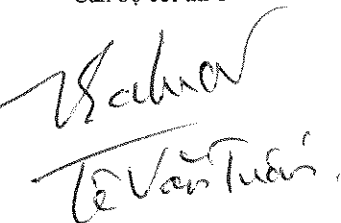
Ngày 06 Tháng 07 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

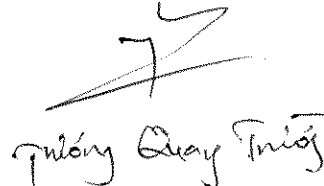
Cán bộ coi thi 2

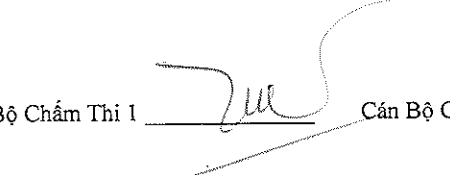
Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1 Cán Bộ Chấm Thi 2


Te Van Tuan


Phan Trung Nghia


Phuong Quynh Thuy


Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 03503

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH21OT_04**

Tổ Thi **001_DH21OT_04**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV103**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	21154117	Đào Lê Xuân An	DH21OT			10	71	3,5	5,2	0012345678910	0123456789
2	21154118	Trần Tuấn An	DH21OT							0012345678910	0123456789
3	21154120	Hoàng Cao Tài Anh	DH21OT			10	64	38	36	0012345678910	0123456789
4	21154121	Lê Hoàng Việt Anh	DH21OT			10	78	88	86	0012345678910	0123456789
5	21154123	Trần Hoàng Anh	DH21OT			10	72	58	66	0012345678910	0123456789
6	21154119	Ngô Hoàng Ân	DH21OT			10	90	68	78	0012345678910	0123456789
7	21154125	Đặng Vũ Quốc Bảo	DH21OT							0012345678910	0123456789
8	21154002	Lê Chí Bảo	DH21OT			10	78	83	83	0012345678910	0123456789
9	21154127	Lê Vũ Bảo	DH21OT			80	66	15	37	0012345678910	0123456789
10	21154128	Nguyễn Ngọc Bảo	DH21OT			80	53	45	51	0012345678910	0123456789
11	21154124	Ngô Trương Công Bằng	DH21OT			10	86	68	77	0012345678910	0123456789
12	21154130	Nguyễn Văn Bình	DH21OT			10	72	65	71	0012345678910	0123456789
13	21154129	Nguyễn Bá Ngọc Bình	DH21OT			10	74	80	80	0012345678910	0123456789
14	21154132	Phạm Thế Châu	DH21OT			10	77	55	66	0012345678910	0123456789
15	21154133	Nguyễn Quốc Chi	DH21OT			10	79	73	78	0012345678910	0123456789
16	21154134	Trần Đức Chiến	DH21OT							0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03503

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH21OT_04**

Tổ Thi **001_DH21OT_04**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV103**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	21154135	Trương Văn Chung	DH21OT			10	7,8	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
18	21154136	Lê Thành Công	DH21OT			10	6,6	4,8	4,1	0012345678910	0123456789
19	21154137	Lê Thành Công	DH21OT							0012345678910	0123456789
20	21154139	Phạm Đức Công	DH21OT			9,0	7,2	3,3	5,0	0012345678910	0123456789
21	21154140	Võ Thành Công	DH21OT			10	7,8	6,0	6,9	0012345678910	0123456789
22	21154146	Đặng Trần Danh	DH21OT			10	7,7	8,3	8,3	0012345678910	0123456789
23	21154142	Phạm Thế Dân	DH21OT			10	9,1	8,0	8,5	0012345678910	0123456789
24	21154152	Chế Minh Anh Dũng	DH21OT			10	6,5	6,3	6,7	0012345678910	0123456789
25	21154153	Lê Quang Dũng	DH21OT			8,0	6,8	5,8	6,3	0012345678910	0123456789
26	21154154	Trương Tấn Dũng	DH21OT			10	7,8	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
27	21154155	Vũ Anh Dũng	DH21OT			10	7,6	6,8	7,4	0012345678910	0123456789
28	21154156	Nguyễn Lê Duy	DH21OT			10	6,1	8,3	7,8	0012345678910	0123456789
29	21154157	Nguyễn Minh Duy	DH21OT			10	7,0	6,5	7,0	0012345678910	0123456789
30	21154158	Nguyễn Quốc Duy	DH21OT			10	7,8	7,3	7,7	0012345678910	0123456789
31	21154159	Vũ Duy	DH21OT							0012345678910	0123456789
32	21154147	Lê Văn Đạt	DH21OT			10	7,0	7,0	7,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03503

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH21OT_04**

Tổ Thi **001_DH21OT_04**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi

TV103

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	21154148	Võ Đình Đạt	DH21OT			10	76	40	5,7	0012345678910	0123456789
34	21154007	Đinh Nhật	DH21OT			10	8,5	8,0	8,4	0012345678910	0123456789
35	21154143	Lê Hoàng Khánh	DH21OT			10	8,3	8,0	8,3	0012345678910	0123456789
36	21154144	Ngô Hải	DH21OT			10	8,1	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
37	21154145	Nguyễn Hải	DH21OT			10	9,0	7,0	7,9	0012345678910	0123456789
38	21154149	Hoàng Thế Tiêu	DH21OT			10	7,2	5,0	6,2	0012345678910	0123456789
39	21154011	Diệp Mạnh	DH21OT			10	8,3	5,0	6,5	0012345678910	0123456789
40	21154150	Nguyễn Hoàng	DH21OT			10	8,2	8,5	8,6	0012345678910	0123456789
41	21154151	Cao Duy	DH21OT			10	6,5	3,0	4,8	0012345678910	0123456789
42	21154160	Nguyễn Đăng Hoàng	Gia			10	8,0	9,0	8,8	0012345678910	0123456789
43	21154161	Nguyễn Văn	DH21OT			10	9,2	9,3	9,3	0012345678910	0123456789
44	21154163	Vũ Trường	Hải			10	8,5	8,3	8,5	0012345678910	0123456789
45	21154164	Đỗ Tuấn	Hào			10	6,9	2,0	4,3	0012345678910	0123456789
46	20152008	Nguyễn Gia	Huy			10	6,0	6,5	6,7	0012345678910	0123456789
47	21154034	Nguyễn Nhật	Huy							0012345678910	0123456789
48	21154035	Trần Ngọc Gia	Huy							0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03503

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Nhóm Thi **DH21OT_04**

Tổ Thi **001_DH21OT_04**

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Số Tín Ch 3

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Phòng Thi **TV103**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	18153029	Trương Vĩnh Huy	DH18CD			10	7,2	8,0	8,0	0012345678910	0123456789
50	18153033	Nguyễn Viết Vĩnh Khang	DH18CD			10	6,5	8,4	8,0	0012345678910	0123456789
51	21154045	Trần Lê Thiên Khoa	DH21OT			10	7,5	7,0	7,5	0012345678910	0123456789
52	21154046	Hứa Tuấn Kiệt	DH21OT			10	7,0	4,8	6,0	0012345678910	0123456789
53	21154048	Phan Quốc Kiệt	DH21OT			10	8,3	8,0	8,3	0012345678910	0123456789
54	21154065	Lương Trọng Nghĩa	DH21OT							0012345678910	0123456789
55	21154066	Nguyễn Đức Nguyên	DH21OT			10	8,0	7,8	8,1	0012345678910	0123456789
56	21154071	Dương Thị Hồng Nhung	DH21OT			10	9,4	7,8	8,5	0012345678910	0123456789
57	21154075	Lê Văn Phát	DH21OT			10	7,2	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
58	21154093	Phan Thành Tâm	DH21OT			10	8,3	7,3	7,9	0012345678910	0123456789
59	21154094	Trịnh Ngọc Tâm	DH21OT			7,0	8,4	8,0	8,0	0012345678910	0123456789
60	21154096	Cao Huỳnh Xuân Thái	DH21OT			10	8,0	5,0	6,4	0012345678910	0123456789
61	21154105	Trương Quốc Trung	DH21OT			10	1,8	1,5	2,4	0012345678910	0123456789
62	21154108	Nguyễn Ngọc Tuấn	DH21OT			9,0	7,8	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
63	17118135	Đàng Năng San U	DH17CC							0012345678910	0123456789
64	21154114	Hồ Phạm Tường Vy	DH21OT			10	8,5	9,0	9,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03503

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH21OT_04**

Tổ Thi **001_DH21OT_04**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV103**

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 55. Số sinh viên vắng 09.

Ngày 06 Tháng 07 Năm 2022

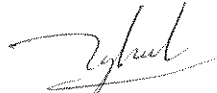
Cán bộ coi thi 1

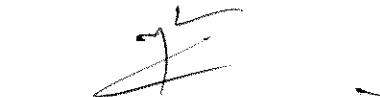
Cán bộ coi thi 2

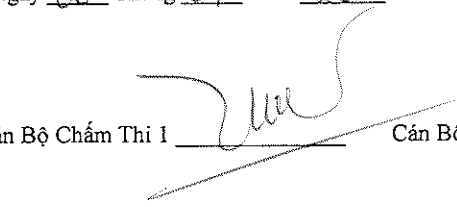
Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1 Cán Bộ Chấm Thi 2


Lê Quang Trí


Hồ Văn Nghi


Phạm Quang Trí


Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 03504

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH21OT_05**

Tổ Thi **001_DH21OT_05**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi

TV301

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 80 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	21154165	Huỳnh Chí Hào	DH21OT	<i>Hào</i>		10	8,0	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
2	21154166	Võ Tấn Anh	DH21OT	<i>B</i>		10	7,4	6,8	7,3	0012345678910	0123456789
3	21154168	Lê Gia Hiệp	DH21OT	<i>Hiệp</i>		10	7,6	6,5	7,2	0012345678910	0123456789
4	21154169	Nguyễn Tấn Hiệp	DH21OT	<i>Hiệp</i>		10	7,3	6,8	7,3	0012345678910	0123456789
5	21154171	Huỳnh Trung Hiếu	DH21OT							0012345678910	0123456789
6	21154173	Nguyễn Minh Hiếu	DH21OT	<i>Hiệp</i>		10	7,9	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
7	21154174	Nguyễn Ngọc Trung Hiếu	DH21OT							0012345678910	0123456789
8	21154176	Lê Hoàng An	DH21OT	<i>Hoàng</i>		10	8,2	7,8	8,1	0012345678910	0123456789
9	21154177	Hà Minh Hoài	DH21OT	<i>Hoài</i>		10	8,3	7,5	8,0	0012345678910	0123456789
10	21154178	Nguyễn Đức Hoài	DH21OT	<i>Hoàng</i>		10	6,4	4,5	5,6	0012345678910	0123456789
11	21154179	Đoàn Thế Hoàn	DH21OT	<i>Hoàn</i>		10	8,1	5,8	6,9	0012345678910	0123456789
12	21154181	Lê Việt Hoàng	DH21OT	<i>Hoàng</i>		9,0	1,1	3,8	3,5	0012345678910	0123456789
13	21154183	Nguyễn Minh Hoàng	DH21OT	<i>Hoàng</i>		10	7,7	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
14	21154184	Nguyễn Văn Hoàng	DH21OT	<i>Hoàng</i>		10	8,4	8,3	8,5	0012345678910	0123456789
15	21154186	Nguyễn Phi Hùng	DH21OT	<i>Phi Hùng</i>		10	8,3	8,3	8,5	0012345678910	0123456789
16	21154187	Nguyễn Thanh Hùng	DH21OT	<i>Phi Hùng</i>		10	4,7	7,3	6,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03504

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH21OT_05**

Tổ Thi **001_DH21OT_05**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi

TV301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	21154190	Nguyễn Đức Lê Huy	DH21OT			10	7,2	6,5	7,1	0012345678910	0123456789
18	21154191	Nguyễn Quang Huy	DH21OT			10	7,2	8,0	8,0	0012345678910	0123456789
19	21154192	Phan Hà Huy	DH21OT			10	8,4	7,8	8,2	0012345678910	0123456789
20	21154193	Phan Đình Minh Kha	DH21OT			10	7,5	6,8	7,3	0012345678910	0123456789
21	21154194	Lê Quang Khải	DH21OT			9,0	8,0	7,0	7,5	0012345678910	0123456789
22	21154195	Phạm Quang Khải	DH21OT			10	7,1	4,5	5,8	0012345678910	0123456789
23	21154197	Nguyễn Duy Khang	DH21OT							0012345678910	0123456789
24	21154199	Đinh Đăng Khoa	DH21OT			10	8,0	3,8	5,7	0012345678910	0123456789
25	18137024	Trần Đăng Khoa	DH18NL			10	4,3	6,3	6,1	0012345678910	0123456789
26	21154200	Đoàn Nguyễn Linh	DH21OT			10	8,8	9,0	9,0	0012345678910	0123456789
27	21154201	Bùi Thanh Khuyên	DH21OT			10	7,8	8,8	8,6	0012345678910	0123456789
28	21154202	Nguyễn Trung Kiên	DH21OT			10	7,6	8,8	8,6	0012345678910	0123456789
29	21154204	Nguyễn Anh Kiệt	DH21OT			10	7,9	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
30	21154206	Nguyễn Vũ Anh Kiệt	DH21OT			10	7,9	7,8	8,1	0012345678910	0123456789
31	21154207	Lương Thành Kim	DH21OT			10	8,2	5,0	6,5	0012345678910	0123456789
32	21154208	Nguyễn Cao Kỳ	DH21OT			10	8,0	8,0	8,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03504

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH21OT_05**

Tổ Thi **001_DH21OT_05**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi

TV301

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	21154209	Nguyễn Văn Lâm	DH21OT			10	8,0	8,8	8,7	0012345678910	0123456789
34	21154210	Trần Quang	DH21OT			10	7,5	6,5	7,2	0012345678910	0123456789
35	21154211	Võ Tấn	DH21OT			10	7,8	8,3	8,3	0012345678910	0123456789
36	21154216	Đinh Hoàng Châu	Long			10	6,5	5,3	6,1	0012345678910	0123456789
37	21154217	Hồ Quốc	Long			10	7,5	6,5	7,2	0012345678910	0123456789
38	21154218	Nguyễn Vũ Thiên	Long			10	3,7	7,8	6,8	0012345678910	0123456789
39	21154219	Võ Công	Long			10	7,7	7,0	7,5	0012345678910	0123456789
40	21154220	Vũ Phi	Long							0012345678910	0123456789
41	21154213	Hoàng Xuân	Lộc			10	6,7	7,5	7,5	0012345678910	0123456789
42	21154221	Hoàng Phi	Lót			10	8,3	5,0	6,5	0012345678910	0123456789
43	21154222	Hồ Nguyễn Thành	Luân			10	7,9	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
44	21154223	Lê Hữu	Luân			10	7,8	8,3	8,3	0012345678910	0123456789
45	21154224	Nguyễn Kim	Luân			10	7,8	6,5	7,2	0012345678910	0123456789
46	21154226	Nguyễn Thành	Luân			10	7,6	7,0	7,5	0012345678910	0123456789
47	21154227	Võ Thành	Luân			10	6,2	2,3	4,2	0012345678910	0123456789
48	21154228	Văn Trọng	Lực			10	8,2	8,0	8,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03504

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH21OT_05**

Tổ Thi **001_DH21OT_05**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi

TV301

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	21154230	Phạm Văn Mạnh	DH21OT	<i>Mạnh</i>		10	74	6,3	70	0012345678910	0123456789
50	21154229	Lê Mẫn	DH21OT	<i>Mẫn</i>		10	76	5,3	6,5	0012345678910	0123456789
51	21154231	Trần Đức Mến	DH21OT	<i>Mến</i>		10	80	9,0	8,8	0012345678910	0123456789
52	21154232	Nguyễn Bình Minh	DH21OT	<i>Minh</i>		10	76	7,0	7,5	0012345678910	0123456789
53	21154233	Nguyễn Bửu Minh	DH21OT	<i>Minh</i>		10	83	9,1	9,0	0012345678910	0123456789
54	21154235	Phạm Ngọc Minh	DH21OT	<i>Minh</i>		10	86	9,0	9,0	0012345678910	0123456789
55	21154234	Phạm Ngô Nhật Minh	DH21OT	<i>Minh</i>		10	77	5,3	6,5	0012345678910	0123456789
56	21154236	Bùi Khắc Nam	DH21OT	<i>Nam</i>		10	76	7,3	7,7	0012345678910	0123456789
57	21154237	Giang Hạo Nam	DH21OT	<i>Hạo</i>		10	81	8,3	8,4	0012345678910	0123456789
58	21154238	Trần Hoài Nam	DH21OT	<i>Nam</i>		10	82	7,8	8,1	0012345678910	0123456789
59	21154241	Lê Minh Nghĩa	DH21OT	<i>Nghĩa</i>		10	84	3,3	5,5	0012345678910	0123456789
60	21154242	Nguyễn Minh Nghĩa	DH21OT	<i>Nghĩa</i>		10	73	6,5	7,1	0012345678910	0123456789
61	21154244	Đoàn Ngọc	DH21OT	<i>Ngọc</i>		10	43	7,5	6,8	0012345678910	0123456789
62	20118264	Nguyễn Đức Thuận	DH20CK	<i>Thuận</i>		10	9	2,8	2,7	0012345678910	0123456789
63	20118271	Nguyễn Ngọc Toàn	DH20CK	<i>Toàn</i>		60	5,8	3,3	4,3	0012345678910	0123456789
64	20118272	Phạm Đức Toàn	DH20CK	<i>Toàn</i>		10	6,8	8,0	7,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03504

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH21OT_05**

Tổ Thi **001_DH21OT_05**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV301**

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	18153082	Hà Minh Tùng	DH18CD	Tùng		10	76	70	75	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 65 / Số sinh viên vắng 04

Ngày 08 Tháng 07 Năm 2022

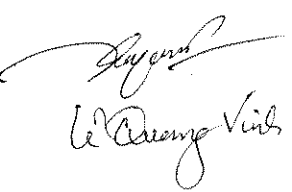
Cán bộ coi thi 1

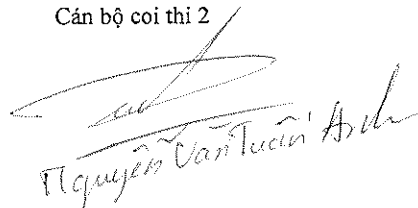
Cán bộ coi thi 2

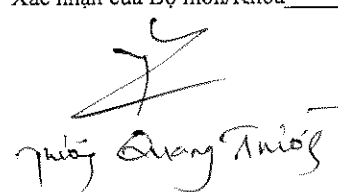
Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

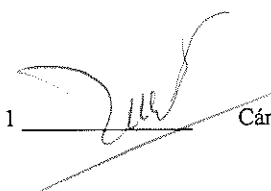
Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Lê Quang Vinh


Nguyễn Văn Tuấn Anh


Nguyễn Quang Tuấn Anh


Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 03505

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH21OT_06**

Tổ Thi **001_DH21OT_06**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi

TV102

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 0 %	Đ2 50 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118011	Nguyễn Hữu Huy	Bình	DH17CC		60	73	73	72	0012345678910	0123456789
2	18137007	Đào Chí	Cường	DH18NL		90	54	75	70	0012345678910	0123456789
3	18137029	Nguyễn Huỳnh	Nam	DH18NL		10	78	60	69	0012345678910	0123456789
4	21154245	Vũ Xuân	Ngọc	DH21OT						0012345678910	0123456789
5	21154246	Mã Vinh	Nguyên	DH21OT		10	83	65	74	0012345678910	0123456789
6	21154247	Nguyễn Thảo	Nguyên	DH21OT		80	81	78	79	0012345678910	0123456789
7	21154248	Phan Tam	Nguyên	DH21OT		10	80	85	85	0012345678910	0123456789
8	21154249	Huỳnh Thành	Nhân	DH21OT		10	84	63	73	0012345678910	0123456789
9	21154250	Nguyễn Đình	Nhân	DH21OT		10	88	80	84	0012345678910	0123456789
10	21154251	Nguyễn Minh	Nhật	DH21OT		75	17	40	37	0012345678910	0123456789
11	21154253	Dương Minh	Nhật	DH21OT		70	63	45	53	0012345678910	0123456789
12	21154255	Nguyễn Minh	Nhật	DH21OT		10	82	88	87	0012345678910	0123456789
13	21154256	Võ Ngọc Minh	Nhật	DH21OT		10	66	53	62	0012345678910	0123456789
14	21154257	Huỳnh Tấn	Phát	DH21OT		10	87	80	84	0012345678910	0123456789
15	21154258	Lê Thành	Phát	DH21OT		90	83	50	64	0012345678910	0123456789
16	21154259	Nguyễn Tiến	Phát	DH21OT		10	71	50	61	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03505

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH21OT_06**

Tổ Thi **001_DH21OT_06**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi

TV102

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	21154260	Võ Thiên Phát	DH21OT			10	7,5	7,3	7,6	0012345678910	0123456789
18	21154261	Trần Thanh Phong	DH21OT							0012345678910	0123456789
19	21154262	Bùi Phan Duy	DH21OT			10	8,3	8,3	8,5	0012345678910	0123456789
20	21154265	Lê Thiên Phú	DH21OT			10	7,8	8,0	8,1	0012345678910	0123456789
21	21154266	Nguyễn Thanh Phú	DH21OT			10	6,0	3,8	5,1	0012345678910	0123456789
22	21154267	Tăng Văn Phú	DH21OT			10	2,3	3,0	3,5	0012345678910	0123456789
23	21154268	Lê Hồng Phúc	DH21OT			0	7,2	4,0	4,6	0012345678910	0123456789
24	21154269	Nguyễn Hoàng Phúc	DH21OT			10	5,3	6,5	6,5	0012345678910	0123456789
25	21154272	Trần Tô Đức	DH21OT			9,0	5,5	4,3	5,1	0012345678910	0123456789
26	21154273	Trương Hồng Phúc	DH21OT							0012345678910	0123456789
27	21154275	Trần Bình Phương	DH21OT			10	6,9	5,0	6,1	0012345678910	0123456789
28	21154279	Đỗ Nhật Quang	DH21OT			10	6,6	8,8	8,3	0012345678910	0123456789
29	21154280	Nguyễn Tuấn Quang	DH21OT			10	8,2	8,8	8,7	0012345678910	0123456789
30	21154276	Phạm Nguyễn Minh Quân	DH21OT			10	7,7	8,3	8,3	0012345678910	0123456789
31	21154277	Trần Đức Minh Quân	DH21OT			10	7,8	7,0	8,5	0012345678910	0123456789
32	21154278	Vũ Minh Quân	DH21OT			8,0	7,4	7,8	7,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03505

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH21OT_06**

Tổ Thi **001_DH21OT_06**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi

TV102

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	21154281	Đào Phú Quý	DH21OT			10	8,2	9,0	8,9	0012345678910	0123456789
34	21154283	Nguyễn Danh Quý	DH21OT			10	7,8	7,3	7,7	0012345678910	0123456789
35	21154284	Bùi Ngọc Quyết	DH21OT			10	7,0	7,3	7,5	0012345678910	0123456789
36	21154285	Trần Tiến Sang	DH21OT			10	7,3	8,8	8,5	0012345678910	0123456789
37	21154286	Mai Phước Trường Sinh	DH21OT			10	8,9	8,8	9,0	0012345678910	0123456789
38	21154287	Hồ Nguyễn Hoài Sơn	DH21OT			10	9,0	8,0	8,5	0012345678910	0123456789
39	21154288	Lý Hồng Sơn	DH21OT			10	8,2	8,5	8,6	0012345678910	0123456789
40	21154290	Nguyễn Thanh Sơn	DH21OT			9,0	7,9	8,0	8,1	0012345678910	0123456789
41	21154291	Trần Tuấn Sơn	DH21OT			10	7,9	8,0	8,2	0012345678910	0123456789
42	21154293	Đinh Công Tài	DH21OT			10	7,5	8,3	8,2	0012345678910	0123456789
43	21154294	Lê Thành Tài	DH21OT			10	6,5	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
44	21154295	Nguyễn Chí Tài	DH21OT			10	8,4	9,0	8,9	0012345678910	0123456789
45	21154296	Trần Phát Tài	DH21OT			6,0	0	5,7	4,0	0012345678910	0123456789
46	21154297	Giáp Thành Tâm	DH21OT			7,0	5,8	5,5	5,7	0012345678910	0123456789
47	21154298	Huỳnh Minh Tâm	DH21OT							0012345678910	0123456789
48	21154300	Nguyễn Đình Tâm	DH21OT			10	7,8	7,0	7,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03505

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH21OT_06**

Tổ Thi **001_DH21OT_06**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV102**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	21154301	Nguyễn Minh Tâm	DH21OT			10	7,5	7,0	7,5	0012345678910	0123456789
50	18137039	Phạm Trương Quang Tân	DH18NL			8,0	7,4	6,5	6,9	0012345678910	0123456789
51	21154303	Mai Lê Xuân Tấn	DH21OT			10	7,9	8,0	8,2	0012345678910	0123456789
52	21154304	Nguyễn Anh Tấn	DH21OT			10	7,0	8,0	7,9	0012345678910	0123456789
53	21154305	Hồ Hồng Thạch	DH21OT			10	7,7	8,3	8,3	0012345678910	0123456789
54	21154312	Đỗ Minh Tất Thành	DH21OT			10	8,7	9,0	9,0	0012345678910	0123456789
55	21154315	Phạm Chí Thành	DH21OT			10	8,8	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
56	21154317	Phạm Dương Quốc Thành	DH21OT			10	6,6	3,0	4,8	0012345678910	0123456789
57	21154316	Phạm Đình Thành	DH21OT			10	7,7	6,8	7,4	0012345678910	0123456789
58	21154318	Trịnh Chấn Thành	DH21OT			10	6,9	8,3	8,1	0012345678910	0123456789
59	21154306	Đặng Thế Minh Thắng	DH21OT			10	10	9,0	9,4	0012345678910	0123456789
60	21154307	Lê Viết Thắng	DH21OT			10	8,2	7,5	8,0	0012345678910	0123456789
61	21154308	Nguyễn Đức Thắng	DH21OT			10	7,6	7,3	7,7	0012345678910	0123456789
62	21154310	Trịnh Minh Thắng	DH21OT			9,0	6,7	2,5	4,4	0012345678910	0123456789
63	21154320	Lê Đức Thiện	DH21OT			10	6,7	4,8	5,9	0012345678910	0123456789
64	21154321	Nguyễn Phước Thiện	DH21OT			10	8,4	8,8	8,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03505

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH21OT_06**

Tổ Thi **001_DH21OT_06**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi

TV102

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	17118145	Trần Văn Thanh Xuân	DH17CC	<i>Văn</i>						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số sinh viên dự thi 65. Số sinh viên vắng 5...

Ngày 08 Tháng 07 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

N. V. Kiệp

Phạm Quang Tường

Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 03502

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH21NL_08**

Tổ Thi **001_DH21NL_08**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi

TV303

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18137011	Nguyễn Thanh Đạt	DH18NL			10	77	8,3	8,3	0012345678910	0123456789
2	18153017	Nguyễn Bảo Giang	DH18CD			10	76	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
3	18137026	Huỳnh Hà Lộc	DH18NL			9,0	77	7,0	7,4	0012345678910	0123456789
4	19130141	Phạm Hoàng Nam	DH19OT			10	41	8,8	7,5	0012345678910	0123456789
5	21153182	Nguyễn Minh Quốc	DH21CD			10	6,9	3,5	5,2	0012345678910	0123456789
6	21153183	Võ Công Sơn	DH21CD			10	8,3	6,3	7,3	0012345678910	0123456789
7	21153184	Trần Nguyễn Phúc Tâm	DH21CD			10	9,1	8,0	8,5	0012345678910	0123456789
8	21153185	Nguyễn Thanh Tân	DH21CD			8,0	8,6	9,3	9,0	0012345678910	0123456789
9	21153186	Trần Gia Tân	DH21CD			10	8,0	8,0	8,2	0012345678910	0123456789
10	21153187	Đặng Danh Thái	DH21CD			10	6,9	5,8	6,6	0012345678910	0123456789
11	21153189	Phùng Nhật Thanh	DH21CD							0012345678910	0123456789
12	21153190	Huỳnh An Thạnh	DH21CD							0012345678910	0123456789
13	21153188	Phạm Ngọc Thắng	DH21CD			10	8,1	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
14	21153191	Lê Đình Thế	DH21CD			8,0	1,0	5,0	4,1	0012345678910	0123456789
15	21153192	Phạm Đức Thiện	DH21CD							0012345678910	0123456789
16	21154323	Nguyễn Hoàng Trường Thịnh	DH21OT			10	6,3	8,3	7,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03502

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH21NL_08**

Tổ Thi **001_DH21NL_08**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi

TV303

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	21153193	Phạm Đình Thịnh	DH21CD			10	8,0	7,8	8,1	0012345678910	0123456789
18	21153194	Trần Duy Thịnh	DH21CD			10	8,0	5,0	6,4	0012345678910	0123456789
19	21154324	Huỳnh Phúc Thoại	DH21OT			10	7,3	6,5	7,1	0012345678910	0123456789
20	21154325	Nguyễn Minh Thông	DH21OT			10	8,0	5,0	6,4	0012345678910	0123456789
21	21154326	Trần Hoàng Thông	DH21OT			10	7,5	7,3	7,6	0012345678910	0123456789
22	21153197	Biện Phước Thuận	DH21CD			8,0	6,6	4,5	5,5	0012345678910	0123456789
23	21153198	Nguyễn Chánh Thuận	DH21CD							0012345678910	0123456789
24	21154332	Trần Anh Tiên	DH21OT							0012345678910	0123456789
25	21154330	Nguyễn Minh Tiên	DH21OT			8,0	7,8	6,5	7,0	0012345678910	0123456789
26	21153201	Nguyễn Toàn Tiên	DH21CD			10	3,3	1,0	2,6	0012345678910	0123456789
27	21154331	Vũ Xuân Tiên	DH21OT			10	7,6	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
28	21153202	Võ Ngọc Tin	DH21CD			4,0	2,4	3,8	3,4	0012345678910	0123456789
29	21154334	Hoàng Tiến Toàn	DH21OT			10	7,7	8,8	8,6	0012345678910	0123456789
30	21154335	Huỳnh Châu Triều	DH21OT			10	8,4	6,0	7,1	0012345678910	0123456789
31	21154336	Nguyễn Trần Quốc Toàn	DH21OT			10	7,4	5,8	6,7	0012345678910	0123456789
32	21154337	Vũ Quốc Toàn	DH21OT			10	7,8	6,8	7,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03502

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH21NL_08**

Tổ Thi **001_DH21NL_08**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi

TV303

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	21153204	Trần Minh	Tới	DH21CD		10	7,8	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
34	21153205	Nguyễn Thị Thùy	Trang	DH21CD		10	9,0	5,8	7,2	0012345678910	0123456789
35	21154338	Nguyễn Nhựt	Trí	DH21OT		8,0	7,5	6,8	7,1	0012345678910	0123456789
36	21154339	Trần Anh	Trí	DH21OT		10	7,9	8,0	8,2	0012345678910	0123456789
37	21154340	Trương Công	Trí	DH21OT		10	9,1	8,8	9,0	0012345678910	0123456789
38	21153206	Huỳnh Minh	Triết	DH21CD		10	5,6	6,3	6,5	0012345678910	0123456789
39	21154341	Nguyễn Văn	Triệu	DH21OT		10	7,7	7,8	8,0	0012345678910	0123456789
40	21153207	Phan Quốc	Triệu	DH21CD		10	5,5	3,5	4,8	0012345678910	0123456789
41	21154342	Tạ Khánh	Trinh	DH21OT		10	7,4	5,8	6,7	0012345678910	0123456789
42	21153208	Ngô Huỳnh	Trọng	DH21CD		10	5,6	4,3	5,3	0012345678910	0123456789
43	21154344	Ngô Đức	Trung	DH21OT		10	8,0	7,8	8,1	0012345678910	0123456789
44	21153209	Phạm Quốc	Trung	DH21CD		10	6,8	4,0	5,4	0012345678910	0123456789
45	18137047	Hồ Nguyễn Phi	Trường	DH18NL		10	7,9	6,0	7,0	0012345678910	0123456789
46	21153210	Nguyễn Minh	Trường	DH21CD		10	8,0	7,0	7,6	0012345678910	0123456789
47	19115136	Trần Nhật	Trường	DH19CB		10	6,1	6,8	6,9	0012345678910	0123456789
48	21154347	Ngô Như	Tú	DH21OT		8,0	7,7	8,5	8,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03502

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH21NL_08**

Tổ Thi **001_DH21NL_08**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi

TV303

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	21154348	Nguyễn Thanh Tú	DH21OT	Tú		10	8,4	9,1	9,0	0012345678910	0123456789
50	21154349	Hồ Võ Duy Tuấn	DH21OT	Đào		10	9,3	5,5	7,1	0012345678910	0123456789
51	21154350	Lê Quang Tuấn	DH21OT	Đào		10	9,2	8,5	8,9	0012345678910	0123456789
52	21153212	Mai Đăng Tuấn	DH21CD							0012345678910	0123456789
53	21154351	Nguyễn Hoàng Tuấn	DH21OT	Đào		10	8,4	5,0	6,5	0012345678910	0123456789
54	21154352	Nguyễn Minh Tuấn	DH21OT	Đào		10	8,0	5,3	6,6	0012345678910	0123456789
55	21154354	Trần Xuân Tuấn	DH21OT	Đào		10	9,2	7,8	8,4	0012345678910	0123456789
56	21154355	Võ Thành Tuấn	DH21OT	Đào		10	8,0	8,3	8,4	0012345678910	0123456789
57	21153215	Nguyễn Hoàng Tùng	DH21CD	Tùng		9,0	5,9	6,0	6,3	0012345678910	0123456789
58	21154356	Trần Lê Thanh Tùng	DH21OT	Đào		10	8,5	8,3	8,5	0012345678910	0123456789
59	21153216	Lê Khánh Văn	DH21CD	Đào		10	8,4	9,1	9,0	0012345678910	0123456789
60	21153217	Lê Thái Anh Văn	DH21CD	Đào		10	7,5	4,0	5,7	0012345678910	0123456789
61	21154357	Lê Hoàng Viễn	DH21OT	Đào		8,0	7,7	9,0	8,5	0012345678910	0123456789
62	21153219	Nguyễn Hoàng Việt	DH21CD	Đào		10	7,1	6,5	7,0	0012345678910	0123456789
63	21154358	Lê Thế Vinh	DH21OT	Đào		9,0	8,5	6,3	7,2	0012345678910	0123456789
64	21154359	Phan Thế Vinh	DH21OT	Đào		10	7,1	5,8	6,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03502

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH21NL_08**

Tổ Thi **001_DH21NL_08**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi

TV303

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	21154360	Trần Đình Quang	Vinh	DH21OT	<i>Vinh</i>	80	5,9	3,3	4,6	0012345678910	0123456789
66	21154361	Hồ Mai Minh	Vũ	DH21OT	<i>Minh</i>	10	7,4	7,0	7,4	0012345678910	0123456789
67	21154362	Lê Phạm Anh	Vũ	DH21OT						0012345678910	0123456789
68	21153222	Trần Hoàng	Vũ	DH21CD	<i>Hoàng</i>	10	7,2	7,3	7,5	0012345678910	0123456789
69	21153223	Khẩu Đoàn Thành	Vương	DH21CD	<i>Thành</i>	10	3,5	2,5	3,6	0012345678910	0123456789
70	21154363	Huỳnh Thái	Vỹ	DH21OT	<i>Thái</i>	10	8,5	7,8	8,2	0012345678910	0123456789
71	21154364	Nguyễn Minh	Ý	DH21OT	<i>Minh</i>	10	7,8	6,3	7,1	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi ... Số sinh viên vắng ...

Ngày 08 Tháng 07 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Lê Văn Diện

Cao Đức Lân

Phạm Quang Tuấn

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày in : 06/06/2022

Buổi Thi Rằm tháng



Mã nhận dạng 03506

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH20CD_07**

Tổ Thi **001_DH20CD_07**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **06/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **HD205**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153001	Bùi Vũ Khánh An	DH18CD			10	8,0	8,0	8,2	0012345678910	0123456789
2	19154003	Vũ Xuân Bách	DH19OT							0012345678910	0123456789
3	17118011	Nguyễn Hữu Huy	DH17CC			8,0	6,5	7,5	7,3	0012345678910	0123456789
4	19118018	Lê Minh Cảnh	DH19CC			6,0	3,2	4,0	4,0	0012345678910	0123456789
5	19118024	Đậu Thành Công	DH19CC			10	5,3	7,0	6,8	0012345678910	0123456789
6	15153007	Lê Công Danh	DH15CD			10	8,0	7,0	7,6	0012345678910	0123456789
7	20153061	Ma Văn	DH20CD			10	7,1	6,8	7,2	0012345678910	0123456789
8	20153068	Trương Quang Denni	DH20CD							0012345678910	0123456789
9	19153008	Ngô Trung Đình	DH19CD			10	6,8	6,5	6,9	0012345678910	0123456789
10	19153011	Huỳnh Cao Duy	DH19CD			10	6,5	6,0	6,6	0012345678910	0123456789
11	19153012	Lê Công Tiến	DH19CD			10	7,0	7,0	7,3	0012345678910	0123456789
12	20153073	Nguyễn Phương Duy	DH20CD			10	7,7	6,0	6,9	0012345678910	0123456789
13	19153015	Phan Nguyễn Minh	DH19CD			10	6,2	6,0	6,5	0012345678910	0123456789
14	18118035	Thái Hoàng	DH18CK			10	7,0	7,0	7,3	0012345678910	0123456789
15	15153014	Nguyễn Phương Duyệt	DH15CD			10	7,5	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
16	17118025	Nguyễn Mậu Dương	DH17CK			8,0	6,0	4,0	5,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03506

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH20CD_07**

Tổ Thi **001_DH20CD_07**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **06/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **HD205**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154031	Phạm Tùng Dương	DH19OT			10	8,0	6,0	7,0	0012345678910	0123456789
18	20153062	Võ Văn Đạo	DH20CD			10	7,0	5,3	6,3	0012345678910	0123456789
19	20153063	Nguyễn Nhật Thành	Đạt			10	7,9	5,5	6,7	0012345678910	0123456789
20	20153067	Nguyễn Tiến Đạt	DH20CD			10	4,1	5,5	5,5	0012345678910	0123456789
21	19153007	Trương Quốc Đạt	DH19CD			10	8,2	3,0	5,3	0012345678910	0123456789
22	20118136	Vô Thái Đạt	DH20CK			10	6,0	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
23	20153060	Phạm Hải Đăng	DH20CD			10	6,7	4,5	5,7	0012345678910	0123456789
24	20153070	Nguyễn Ngọc Đình	DH20CD			10	5,9	5,8	6,3	0012345678910	0123456789
25	20153071	Vừ A Đức	DH20CD			10	5,0	2,5	4,0	0012345678910	0123456789
26	17118031	Trần Thanh Giang	DH17CK			10	6,5	6,5	6,9	0012345678910	0123456789
27	19154040	Đào Công Hậu	DH19OT			8,0	5,3	8,0	7,2	0012345678910	0123456789
28	20118158	Bùi Vinh Hiền	DH20CC			10	6,0	6,8	6,9	0012345678910	0123456789
29	20118159	Nguyễn Đoàn Thanh Hiền	DH20CK			10	3,2	2,0	3,2	0012345678910	0123456789
30	20153075	Nguyễn Chí Hiếu	DH20CD			10	7,0	5,8	6,6	0012345678910	0123456789
31	20118161	Nguyễn Minh Hiếu	DH20CC			10	7,0	2,3	4,5	0012345678910	0123456789
32	20153076	Nguyễn Trung Hiếu	DH20CD			10	7,0	6,0	6,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03506

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH20CD_07**

Tổ Thi **001_DH20CD_07**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **06/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **HD205**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	20153078	Võ Minh Hiếu	DH20CD			10	5,4	3,0	4,4	0012345678910	0123456789
34	20153080	Đoàn Huy Hoàng	DH20CD			10	6,8	3,0	4,8	0012345678910	0123456789
35	19154050	Hà Ngọc Quốc	DH19OT			10	7,6	7,0	7,5	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 33 Số sinh viên vắng 02

Ngày 16 Tháng 07 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Võ Huy Thái

Nguyễn Quang Trọng

Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 03507

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH20CD_07**

Tổ Thi **002_DH20CD_07**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **06/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV201**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20153081	Vũ Đình Hoàng	DH20CD			10	6,7	3,5	5,1	0012345678910	0123456789
2	20153083	Trịnh Phi Hồng	DH20CD			10	6,8	5,8	6,5	0012345678910	0123456789
3	20153084	Võ Phi Hùng	DH20CD			10	8,0	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
4	19118095	Nguyễn Quang Huy	DH19CC							0012345678910	0123456789
5	20153089	Trương Ngô Minh Huy	DH20CD			10	4,3	3,0	4,1	0012345678910	0123456789
6	19118082	Nguyễn Cao Hưng	DH19CC			8,0	3,5	5,8	5,3	0012345678910	0123456789
7	20153093	Nguyễn Trung Kiên	DH20CD			10	5,8	4,5	5,4	0012345678910	0123456789
8	19153036	Trần Anh Kiệt	DH19CD			10	7,7	3,0	5,1	0012345678910	0123456789
9	20153095	Nguyễn Trần Nhật Linh	DH20CD			10	6,7	1,0	3,6	0012345678910	0123456789
10	20153096	Lê Thanh Lộc	DH20CD			10	7,0	6,0	6,7	0012345678910	0123456789
11	20153098	Nguyễn Minh Luân	DH20CD			10	4,8	5,8	5,9	0012345678910	0123456789
12	14153029	Hàng Lực	DH14CD							0012345678910	0123456789
13	20153099	Nguyễn Hữu Lý	DH20CD			10	6,8	3,0	4,8	0012345678910	0123456789
14	19118145	Nguyễn Văn Minh	DH19CC			10	6,1	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
15	19154095	Nguyễn Xuân Minh	DH19OT			10	4,8	1,0	3,0	0012345678910	0123456789
16	20153053	Hoàng Hoài Nam	DH20CD			10	7,8	6,5	7,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03507

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH20CD_07**

Tổ Thi **002_DH20CD_07**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi **06/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi

TV201

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17153045	Nguyễn Thanh Nam	DH17CD			10	70	5,3	6,3	0012345678910	0123456789
18	20153104	Nguyễn Hoài Nam	DH20CD			10	73	3,0	5,0	0012345678910	0123456789
19	19154100	Trần Hoàng Nghiêm	DH19OT							0012345678910	0123456789
20	19118158	Lê Hoàng Minh Ngọc	DH19CK			10	2	1,0	1,6	0012345678910	0123456789
21	19154110	Huỳnh Đức Nhuận	DH19OT							0012345678910	0123456789
22	19154112	Nguyễn Phan Huỳnh Nhựt	DH19OT			10	8,4	8,0	8,3	0012345678910	0123456789
23	20118218	Vô Thành Pháp	DH20CC			10	4,8	2,6	4,0	0012345678910	0123456789
24	20118221	Dương Tấn Phát	DH20CC			10	7,2	6,0	6,8	0012345678910	0123456789
25	20118220	Đỗ Minh Phát	DH20CC			10	6,1	6,0	6,4	0012345678910	0123456789
26	17118076	Phan Lê Bảo Phi	DH17CK			10	6,7	1,7	4,0	0012345678910	0123456789
27	19153056	Lê Văn Phong	DH19CD			10	4,0	6,3	6,0	0012345678910	0123456789
28	20153108	Tạ Chiêu Phong	DH20CD			10	5,9	3,0	4,6	0012345678910	0123456789
29	19118179	Nguyễn Lê Phú	DH19CC			10	6,8	7,0	7,2	0012345678910	0123456789
30	20153110	Bùi Đức Phúc	DH20CD			10	4,0	3,0	4,0	0012345678910	0123456789
31	20153112	Đoàn Hoàng Phúc	DH20CD			10	6,3	2,3	4,3	0012345678910	0123456789
32	20118232	Huỳnh Trọng Phúc	DH20CC			10	7,6	6,8	7,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03507

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH20CD_07**

Tổ Thi **002_DH20CD_07**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **06/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV201**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	20118234	Trần Hưng Phụng	DH20CC	Phụng		10	5,7	6,5	6,6	0012345678910	0123456789
34	20153114	Nguyễn Trần Quang Phước	DH20CD	Phước		10	7,7	3,0	5,1	0012345678910	0123456789
35	19154123	Phạm Minh Phương	DH19OT	Phương		10	5,8	5,5	6,0	0012345678910	0123456789
36	18118113	Nguyễn Thanh Quang	DH18CK	Quang		10	7,5	5,0	6,3	0012345678910	0123456789
37	18118114	Phạm Phúc Quang	DH18CK	Phạm Phúc Quang		10	5,8	7,0	6,9	0012345678910	0123456789
38	20153116	Phạm Mạnh Quốc	DH20CD	Quốc		10	5,2	2,4	4,0	0012345678910	0123456789
39	17118089	Phạm Bùi Tấn Sang	DH17CC							0012345678910	0123456789
40	20153118	Nguyễn Văn Tâm	DH20CD	Tâm		10	7,1	4,5	5,8	0012345678910	0123456789
41	18153064	Đoàn Văn Tân	DH18CD							0012345678910	0123456789
42	19154136	Phạm Văn Tân	DH19OT							0012345678910	0123456789
43	20153119	Tô Thành Tân	DH20CD	Tân		10	7,1	5,5	6,4	0012345678910	0123456789
44	19154137	Huỳnh Anh Tấn	DH19OT	Tấn		10	7,0	7,5	7,6	0012345678910	0123456789
45	20153031	Vũ Đình Tấn	DH20CD	Tấn		10	0,3	0,5	1,4	0012345678910	0123456789
46	19154147	Lê Văn Thành	DH19OT	Thành		10	7,8	6,0	6,9	0012345678910	0123456789
47	20153123	Nguyễn Nhật Thi	DH20CD							0012345678910	0123456789
48	19153078	Nguyễn Hưng Thịnh	DH19CD	Thịnh		10	7,2	4,0	5,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03507

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH20CD_07**

Tổ Thi **002_DH20CD_07**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi **06/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi

TV201

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	20118262	Lư Chí Thông	DH20CC			10	4,0	3,0	4,0	0012345678910	0123456789
50	20153126	Trần Trương Minh	DH20CD			10	6,5	2,5	4,5	0012345678910	0123456789
51	20118265	Đặng Văn Thuận	DH20CC			10	6,4	5,3	6,1	0012345678910	0123456789
52	19153081	Bùi Quang Tiến	DH19CD			8,0	6,0	3,0	4,4	0012345678910	0123456789
53	20118268	Nguyễn Hoàng Tiến	DH20CC			10	5,4	3,0	4,4	0012345678910	0123456789
54	19153083	Giáp Trung Tín	DH19CD							0012345678910	0123456789
55	20153131	Trần Nguyễn Nhật Trà	DH20CD							0012345678910	0123456789
56	15118114	Lê Đức Trí	DH15CK			6,0	4,5	5,8	5,4	0012345678910	0123456789
57	19154173	Trần Hải Triều	DH19OT			10	4,6	4,5	3,3	0012345678910	0123456789
58	19153087	Đặng Nguyễn Thành Trung	DH19CD			10	6,0	5,5	6,1	0012345678910	0123456789
59	17118126	Nguyễn Thành Trung	DH17CC			10	5,4	6,3	6,4	0012345678910	0123456789
60	20153132	Nguyễn Tấn Trung	DH20CD			10	6,9	6,0	6,7	0012345678910	0123456789
61	20153040	Lữ Trọng Trường	DH20CD			10	8,0	6,8	7,5	0012345678910	0123456789
62	20153133	Lương Anh Tú	DH20CD			10	7,1	3,5	5,2	0012345678910	0123456789
63	20153134	Triệu Anh Tuấn	DH20CD			10	6,8	6,5	6,9	0012345678910	0123456789
64	20153136	Nguyễn Thanh Tùng	DH20CD			10	7,8	7,0	7,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03507

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH20CD_07**

Tổ Thi **002_DH20CD_07**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi **06/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi

TV201

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	20153042	Phạm Nhật Uy	DH20CD			10	7,5	0,5	3,6	0012345678910	0123456789
66	20153138	Trần Tuấn Vĩ	DH20CD			10	3,8	0,5	2,4	0012345678910	0123456789
67	20153044	Trương Hải Việt	DH20CD			10	7,9	4,0	5,8	0012345678910	0123456789
68	17118145	Trần Văn Thanh Xuân	DH17CC							0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 5 Số sinh viên vắng 1

Ngày 16 Tháng 07 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phạm Duy Lam

Phan Trọng Nghĩa

Hoàng Quý Tường

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Hoc kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118001	Dương Nguyễn Hoàng Ân	DH19CC			4,5	2,5		6,8	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
2	19118013	Nguyễn Tiểu Bảo	DH19CC			5	2,3		7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
3	18118033	Lê Phúc Duy	DH18CC			3,1	2,3		5,4	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
4	19118033	Lê Tiến Đạt	DH19CC			5,3	2,4		7,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
5	19118037	Phạm Thế Đạt	DH19CC			5	2,5		7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
6	19118041	K' Đông	DH19CC			6,2	2,5		8,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
7	18118039	Trần Tuấn Hiệp	DH18CC			5,6	2,1		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	19118087	Đỗ Quốc Huy	DH19CC			4,5	2,3		6,8	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
9	19118084	Trần Trọng Hữu	DH19CC			5	2,5		7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
10	19118103	Mai Hoàng KHải	DH19CC			5	2,2		7,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
11	19118115	Phù ThiẾT	DH19CC			V	V		V	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	18154057	Đặng Nguyễn Minh Kiên	DH18OT			4,5	2,5		7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
13	19118133	Trần Hữu Khánh Luân	DH19CC			5,3	2		7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
14	19118146	Thạch Minh	DH19CC			5,3	2,3		7,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
15	18118092	Nguyễn Trọng Nguyên	DH18CK			5,6	2,6		8,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
16	19118160	Trần Bá Nguyên	DH19CC			4,5	2,5		7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

CBGD: Trần Văn Đông (826)

Cán bộ chấm thi 2

Trần Văn Đông



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 1: Hàn - nguội (207143) - 02

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118005	Lương Thái Ban	DH19CC			5	2,6		7,6	0012345678910	0123456789
2	19118008	Lê Đình Bảo	DH19CC			5	2,5		7,5	0012345678910	0123456789
3	19118055	Lê Tấn Hải	DH19CC			5,3	2,6		7,9	0012345678910	0123456789
4	19118057	Huỳnh Gia Hào	DH19CC			5,3	2,4		7,7	0012345678910	0123456789
5	19118059	Nguyễn Chí Hào	DH19CC			5,9	2,8		8,7	0012345678910	0123456789
6	19118060	Dương Trung Hậu	DH19CC			5	2,6		7,6	0012345678910	0123456789
7	19118061	Lê Lý Hậu	DH19CC			5,9	2,6		8,5	0012345678910	0123456789
8	19118072	Lăng Ngọc Hoàng	DH19CK			5,3	2,3		7,6	0012345678910	0123456789
9	19118102	Nguyễn Văn Khá	DH19CC			5,9	2,6		8,5	0012345678910	0123456789
10	19118105	Lý Nhứt Khang	DH19CC			5	2,8		7,8	0012345678910	0123456789
11	19118116	Lâm Văn La	DH19CC			5,9	2,5		8,4	0012345678910	0123456789
12	19118117	Nguyễn Trường Lâm	DH19CC			5,3	1,6		6,9	0012345678910	0123456789
13	19118122	Đình Kỳ Linh	DH19CC			5,6	2,8		8,4	0012345678910	0123456789
14	19118134	Lý Kim Luân	DH19CC			5,3	2,1		7,7	0012345678910	0123456789
15	19118148	Huỳnh Hoài Nam	DH19CK			5,6	2,8		8,4	0012345678910	0123456789
16	18118104	Nguyễn Thanh Phi	DH18CK			5	2,5		7,5	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 1: Hàn - nguội (207143) - 02

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118178	Phạm Hoàng Phong	DH19CC			✓	✓		✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	19118185	Nguyễn Hoàng Quân	DH19CC			4,8	2,5		7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
19	19118186	Nguyễn Ngọc Quân	DH19CC			4,5	1,9		6,4	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
20	19118193	Huỳnh Văn Quyết	DH19CK			5,3	2		7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
21	19118201	Nguyễn Tuấn Tài	DH19CC			5,3	2,3		7,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
22	19118204	Phùng Quốc Tấn	DH19CC			4,8	2,3		7,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
23	19118236	Phạm Vũ Nhật Tiến	DH19CC			5	2,6		7,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
24	19118262	Thái Văn Trường	DH19CC			5	2,8		7,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
25	19118278	Phan Văn Vĩnh	DH19CC			4,2	1,9		6,1	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
26	19118279	Bùi Bá Vũ	DH19CC			5,6	2,5		8,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Quốc Tấn

Trần Văn Đông

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118003	Nguyễn Văn Anh	DH19CC			4,8	4,8		6,6	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
2	19118012	Nguyễn Ngọc Quốc Bảo	DH19CC			5	1,8		6,8	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
3	19118017	Đỗ Tấn Cảnh	DH19CC			5,6	2,2		7,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
4	19118024	Đậu Thành Công	DH19CC			4,5	2,8		7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
5	19118049	Huỳnh Khánh Duy	DH19CC			4,2	2,5		6,7	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
6	19118046	Nguyễn Văn Dương	DH19CC			✓	✓		✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	19118035	Nguyễn Mai Quốc Đạt	DH19CC			5	2,9		7,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
8	19153004	Nguyễn Hải Đăng	DH19CD			5	2,5		7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
9	19118039	Bùi Ngọc Điệp	DH19CC			5,3	2,3		7,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
10	19118079	Trần Lê Phúc Hội	DH19CC			6,2	2,3		5,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
11	19118094	Nguyễn Nam Huy	DH19CC			5,3	2,5		7,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
12	19118095	Nguyễn Quang Huy	DH19CC			4,8	1,8		6,6	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
13	19118098	Trần Quốc Huy	DH19CK			✓	✓		✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	19118082	Nguyễn Cao Hưng	DH19CC			4,2	2,2		6,4	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
15	19118110	Lâm Hào Khôn	DH19CC			4,5	2,2		6,7	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
16	19118121	Nguyễn Cảnh Liêm	DH19CK			5	2,5		7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 1: Hàn - nguội (207143) - 04

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118140	Nguyễn Hoàng Mạnh	DH19CC			5,6	2,3		7,9	00123456●8910	012345678●
18	19154097	Nguyễn Hoàng Nam	DH19OT			4,5	2,2		6,7	0012345●78910	0123456●89
19	19118173	Bùi Trung Phong	DH19CC			4,8	2,3		7,1	00123456●8910	0●23456789
20	19118182	Lê Đình Phước	DH19CC			4,8	2		6,8	0012345●78910	01234567●9
21	19118195	Phạm Thành Sang	DH19CC			5,3	2,3		7,6	00123456●8910	012345●789
22	19118209	Nguyễn Thanh Thắng	DH19CC			5,6	2,2		7,8	00123456●8910	01234567●9
23	19118233	Nguyễn Nam Thuận	DH19CC			5	2,5		7,5	00123456●8910	01234●6789
24	19118243	Nguyễn Tấn Tịnh	DH19CC			5,9	2,8		8,7	001234567●910	0123456●89
25	19118244	Nguyễn Phúc ToAi	DH19CC			4,8	2,5		7,3	00123456●8910	012●456789
26	19118246	Nguyễn Văn Toàn	DH19CC			3,9	2,8		6,7	0012345●78910	0123456●89
27	19118272	Nguyễn Quốc Vĩ	DH19CK			5,6	2,4		8,0	001234567●910	●123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Trưởng Bộ Môn

Trần Văn Đông



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 1: Hàn - nguội (207143) - 05

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118016	Nguyễn Văn Ca	DH19CC			5,9	2		7,9	00123456●8910	012345678●
2	19118020	Nguyễn Đoàn Công Chiến	DH19CC			4,5	2,3		7,1	00123456●8910	0●23456789
3	19118043	Huỳnh Quốc Dũng	DH19CC			4,5	2,3		6,8	0012345●78910	01234567●9
4	19118044	Trần Nhật Dũng	DH19CC			5	2,6		7,6	00123456●8910	012345●789
5	19118032	Trần Tiến Đạo	DH19CC			5,6	2,6		8,2	001234567●910	01●3456789
6	19118074	Ngô Minh Hoàng	DH19CC			5,3	2,3		7,6	00123456●8910	012345●789
7	19118085	Đặng Minh Huy	DH19CC			4,5	2,5		7,0	00123456●8910	●123456789
8	19118104	Nguyễn Chí KHải	DH19CC			4,5	2,6		7,1	00123456●8910	0●23456789
9	19118131	Lê Hoàng Long	DH19CC			5	2,8		7,8	00123456●8910	01234567●9
10	19118139	Đinh Minh Mẫn	DH19CC			5	2,8		7,8	00123456●8910	01234567●9
11	19118150	Nguyễn Hoài Nam	DH19CC			5,3	2,3		7,6	00123456●8910	012345●789
12	19118159	Đinh Quang Nguyên	DH19CC			5,6	2		7,6	00123456●8910	012345●789
13	19118162	Nguyễn Duy Trọng Nhân	DH19CC			V	V		V	●012345678910	0123456789
14	19118164	Trần Thanh Nhân	DH19CC			4,8	2,5		7,6	00123456●8910	012345●789
15	19118170	Nguyễn Hoàng Ninh	DH19CC			5,6	2,6		8,2	001234567●910	01●3456789
16	19118188	Bùi Nguyễn Quang	DH19CC			5	2		7,0	00123456●8910	●123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 1: Hàn - nguội (207143) - 05

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118211	Trần Danh Thắng	DH19CC			5	2,5		7,5	001234568910	012346789
18	19118230	Nguyễn Thị Anh Thư	DH19CC			5,9	2,9		8,8	0012345678910	0123456789
19	19118235	Trần Thành Tiên	DH19CC			5,3	2,6		7,9	001234568910	0123456788
20	19118245	Nguyễn Văn Toán	DH19CC			4,8	2,6		7,4	001234568910	0123856789
21	19118254	Huỳnh Như Trọng	DH19CC			5,6	2,5		8,1	0012345678910	023456789
22	19118258	Vũ Đình Trung	DH19CC			4,2	2,5		6,7	001234578910	0123456889
23	19118263	Võ Văn Tư	DH19CC			5	2,8		7,8	001234568910	0123456789
24	19118284	Lâm Tuấn Vỹ	DH19CC			5,6	2,6		8,2	0012345678910	013456789
25	19118285	Phạm Huỳnh Phúc Yên	DH19CC			5,3	1,9		7,2	001234568910	013456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

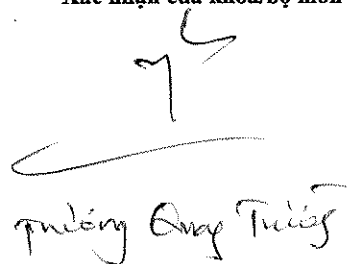
Cán bộ coi thi 1

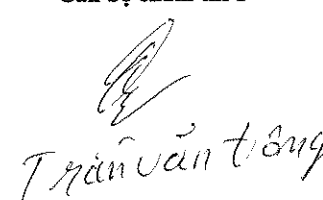
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Trưởng Ban Giám sát


Trần Văn Đông

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 1: Hàn - nguội (207143) - 06

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118018	Lê Minh Cảnh	DH19CC			5,3	2,4		7,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
2	19118031	Trần Đức Danh	DH19CK			5,3	2,3		7,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
3	19118048	Dương Hoàng Duy	DH19CC			5,3	2,3		7,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
4	19118051	Phan Phúc Duy	DH19CC			4,8	2,5		7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
5	19118076	Nguyễn Việt Hoàng	DH19CK			5,9	2,5		8,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
6	19118101	Lê Duy Kha	DH19CC			5,3	1,8		7,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
7	19154076	Trần Anh Khoa	DH19OT			5,3	2,5		7,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
8	19118123	Nguyễn Như Linh	DH19CK			4,8	2		6,8	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
9	18118078	Hồ Minh Luân	DH18CC			5	2,3		7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
10	19118135	Trần Hữu Luân	DH19CC			5	2,3		7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
11	19118143	Lê Công Minh	DH19CK			4,2	2,4		6,6	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
12	19118144	Lê Trần Nhật Minh	DH19CK			4,2	1,8		6,0	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	19118145	Nguyễn Văn Minh	DH19CC			4,2	1,8		6,0	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	19118154	Phạm Minh Nghĩa	DH19CC			5,1	2,4		5,5	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
15	19118167	Phạm Thế Nhật	DH19CK			5,3	2,5		7,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
16	19154109	Dương Hoài Nhị	DH19OT			5,3	2,5		7,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 1: Hàn - nguội (207143) - 06

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118177	Nguyễn Trường Phong	DH19CC			4,8	2,6		7,4	00123456●8910	0123●56789
18	19118179	Nguyễn Lê Phú	DH19CC			3,6	1,6		5,2	0012344●678910	01●3456789
19	18153064	Đoàn Văn Tân	DH18CD			5,3	2		7,3	00123456●8910	012●456789
20	18137039	Phạm Trương Quang Tân	DH18NL			4,5	2,2		6,7	0012345●78910	0123456●89
21	19118232	Ngô Kế Minh Thuận	DH19CK			5	2,3		7,3	00123456●8910	012●456789
22	19118247	Trương Hữu Toàn	DH19CC			5	2,6		7,6	00123456●8910	012345●789
23	18118158	Nguyễn Thành Tôn	DH18CK			6,4	2,8		9,2	0012345678●10	01●3456789
24	19118260	Nguyễn Nhật Trường	DH19CC			5,6	2,6		8,2	001234567●910	01●3456789
25	18118179	Võ Thanh Tùng	DH18CK			5,6	2,5		8,1	001234567●910	0●23456789
26	18118181	Vũ Ngọc Tuyên	DH18CK			5,3	2,5		7,8	00123456●8910	01234567●9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Trưởng Bộ Môn


Trần Văn Đông

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118007	Dương Gia Bảo	DH19CK			4,2	1,8		6,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	19118019	Lê Minh Chiến	DH19CK			4,8	2,2		7,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	17153011	Nguyễn Minh Chiến	DH17CD			4,8	1,8		6,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
4	19118022	Đặng Mai Chung	DH19CK			4,5	2,6		7,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	18137007	Đào Chí Cường	DH18NL			5,3	2,5		7,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
6	19118052	Văn Thành Duy	DH19CK			5,3	2,5		7,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
7	19118034	Nguyễn Công Đạt	DH19CK			4,8	2		6,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
8	19118042	Trần Hữu Đức	DH19CK			4,8	2,5		7,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	19118088	Hà Quang Huy	DH19CK			3,3	3,2		5,5	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	19118083	Nguyễn Duy Hưng	DH19CK			3,6	2,4		6,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	19118127	Nguyễn Bình Lộc	DH19CK			4,8	2,5		7,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	19118137	Bùi Duy Lũy	DH19CK			5,3	1,8		7,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	19118147	Hoàng Phương Nam	DH19CK			5	2,3		7,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	19118151	Trần Duy Nhật	DH19CK			4,5	2,4		6,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
15	19118168	Thân Văn Nhó	DH19CK			3,6	1,8		5,4	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	19118171	Trần Trường Phát	DH19CK			4,8	2		6,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

CBGD: Trần Văn Đông (826)

Tại Văn phòng

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

CBGD: Nguyễn Hữu Hòa (C02)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118006	Nguyễn Thành	Băng	DH19CK		5,9	2,5		8,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	19118010	Lê Thái Thiên	Bảo	DH19CK		4,2	1,6		5,8	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
3	19118011	Ngô Quốc	Bảo	DH19CK		4,8	2		6,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
4	19118025	Diệp Kiến	Cường	DH19CK		3,6	1,6		5,2	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	19118030	ChẾ Nguyễn Văn	Danh	DH19CK		5,3	2,3		7,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
6	19118029	Nguyễn Hữu	Đang	DH19CK		5,3	2,3		7,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
7	19118040	Lê Văn	Đô	DH19CK		5,3	2,3		7,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
8	19118064	Ngô Thành	Hiệp	DH19CK		V	V		V	● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	19118093	Nguyễn Minh	Huy	DH19CK		4,2	1,5		6,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	19118081	Ngô Trung	Hung	DH19CK		5,3	2,3		7,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
11	19118111	Đặng Hoàng	Kiệt	DH19CK		5,9	2,5		8,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	19118112	Ngô Tấn	Kiệt	DH19CK		5,3	2,3		7,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
13	19118113	Nguyễn Duy	Kiệt	DH19CK		5	2,2		7,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	19118118	Nguyễn Tùng	Lâm	DH19CK		5	2,2		7,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	19118128	Trần Thanh	Lộc	DH19CK		5	2,2		7,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	19118129	Nguyễn Bá	Lợi	DH19CK		5,3	2,3		7,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 02868

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 1: Hàn - nguội (207143) - 10

CBGD: Nguyễn Hữu Hòa (C02)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118149	Lâm Nhật Nam	DH19CK			5	2,2		7,2	00123456●8910	01●3456789
18	19118183	Phạm Công Phương	DH19CK			5,3	2,3		7,6	00123456●8910	012345●789
19	19118184	Phạm Minh Phương	DH19CK			5	2,2		7,2	00123456●8910	01●3456789
20	19118187	Trương Quang Quân	DH19CK			5,3	2,3		7,6	00123456●8910	012345●789
21	19118214	Lê Ngọc Thanh	DH19CK			5	2,2		7,2	00123456●8910	01●3456789
22	19118216	Nguyễn Tiến Thành	DH19CK			5,9	2,5		8,4	001234567●910	0123●56789
23	19118241	Trần Hữu Tín	DH19CK			6,2	2,6		8,8	001234567●910	01234567●9
24	19118259	Nguyễn Đức Trường	DH19CK			4,8	2		6,8	0012345●78910	01234567●9
25	19118264	Cao Linh Tuấn	DH19CK			5	2,2		7,2	00123456●8910	01●3456789
26	19118282	Nguyễn Quốc Vương	DH19CK			5,3	2,3		7,6	00123456●8910	012345●789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

7/5
Nguyễn Văn Kiệp

Nguyễn Văn Kiệp

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

CBGD: Nguyễn Hữu Hòa (C02)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118003	Nguyễn Văn Anh	DH19CC			2	6,5		8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	19118005	Lương Thái Ban	DH19CC			2	6,5		8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	19118008	Lê Đình Bảo	DH19CC			2	6,5		8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	19118013	Nguyễn Tiểu Bảo	DH19CC			2	6,5		8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	19118017	Đỗ Tấn Cảnh	DH19CC			2	6,5		8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	19137006	Lê Ngô Chí	DH19NL			2	5		7,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	19118051	Phan Phúc Duy	DH19CC			2	6		8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	19118055	Lê Tấn Hải	DH19CC			2	7,5		9,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	19118060	Dương Trung Hậu	DH19CC			2	7,5		9,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	19154047	Văn Công Hoà	DH19OT			2	5		7,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	19118074	Ngô Minh Hoàng	DH19CC			2	5,5		7,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	19118094	Nguyễn Nam Huy	DH19CC			2	6,5		8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	19118095	Nguyễn Quang Huy	DH19CC			2	7		9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	19118102	Nguyễn Văn Khá	DH19CC			2	6,5		8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	19118105	Lý Nhất Khang	DH19CC			2	6,5		8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	19118134	Lý Kim Luân	DH19CC			2	6,5		8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

CBGD: Nguyễn Hữu Hòa (C02)

Nguyễn Văn Kiệp

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118020	Nguyễn Đoàn Công Chiến	DH19CC			2	7		9,0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	15153007	Lê Công Danh	DH15CD			✓	✓		✓	● ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	19118044	Trần Nhật Dũng	DH19CC			2	5,5		7,5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	19118032	Trần Tiến Đạo	DH19CC			2	5,5		7,5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	19118057	Huỳnh Gia Hào	DH19CC			2	6,5		8,5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	19118061	Lê Lý Hậu	DH19CC			2	6		8,0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	19118085	Đặng Minh Huy	DH19CC			2	6,5		8,5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	18154041	Nguyễn Minh Hưng	DH18OT			2	5,5		7,5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	19118104	Nguyễn Chí KHải	DH19CC			2	5,5		7,5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	19118115	Phù ThiẾT	DH19CC			✓	✓		✓	● ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	18154057	Đặng Nguyễn Minh Kiên	DH18OT			2	6,5		8,5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	19118116	Lâm Văn La	DH19CC			2	5		7,0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	19118122	Đinh Kỳ Linh	DH19CC			2	7		9,0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	19118131	Lê Hoàng Long	DH19CC			2	7		9,0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	19118140	Nguyễn Hoàng Mạnh	DH19CC			2	6		8,0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	19118164	Trần Thanh Nhân	DH19CC			2	6,5		8,5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 03

CBGD: Nguyễn Hữu Hòa (C02)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118170	Nguyễn Hoàng Ninh	DH19CC			2	7,5		9,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①①②③④●⑥⑦⑧⑨
18	19118186	Nguyễn Ngọc Quân	DH19CC			2	5		7,0	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
19	19118201	Nguyễn Tuấn Tài	DH19CC			2	5		7,0	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	19118204	Phùng Quốc Tấn	DH19CC			2	5		7,0	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	19118230	Nguyễn Thị Anh Thư	DH19CC			2	7		9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	19118236	Phạm Vũ Nhật Tiến	DH19CC			2	5,5		7,5	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④●⑥⑦⑧⑨
23	19118245	Nguyễn Văn Toán	DH19CC			2	6,5		8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②③④●⑥⑦⑧⑨
24	19118278	Phan Văn Vĩnh	DH19CC			2	6,5		8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②③④●⑥⑦⑧⑨
25	19118279	Bùi Bá Vũ	DH19CC			2	5,5		7,5	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④●⑥⑦⑧⑨
26	19118284	Lâm Tuấn Vỹ	DH19CC			2	7		9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
27	19118285	Phạm Huỳnh Phúc Yên	DH19CC			2	6,5		8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②③④●⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Nguyễn Văn Kiệp


Nguyễn Văn Kiệp

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 04

CBGD: Nguyễn Hữu Hòa (C02)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118018	Lê Minh Cảnh	DH19CC			2	6		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	19118043	Huỳnh Quốc Dũng	DH19CC			2	6		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	19118048	Dương Hoàng Duy	DH19CC			2	7,5		9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
4	19118033	Lê Tiến Đạt	DH19CC			2	7		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	19118035	Nguyễn Mai Quốc Đạt	DH19CC			2	7		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	19118039	Bùi Ngọc Điệp	DH19CC			2	6,5		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
7	19118041	K' Đông	DH19CC			2	6		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	19118059	Nguyễn Chí Hào	DH19CC			2	6,5		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
9	19118117	Nguyễn Trường Lâm	DH19CC			2	6		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	19118133	Trần Hữu Khánh Luân	DH19CC			2	6		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	19118135	Trần Hữu Luận	DH19CC			2	7		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	19118144	Lê Trần Nhật Minh	DH19CK			2	6		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	19138048	Nguyễn Cà Na	DH19TD			2	5,5		7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
14	19118159	Đinh Quang Nguyên	DH19CC			2	6,5		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
15	19118160	Trần Bá Nguyên	DH19CC			2	6,5		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
16	19118167	Phạm Thế Nhật	DH19CK			2	6,5		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9



Mã nhận dạng 02871

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 04

CBGD: Nguyễn Hữu Hòa (C02)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118177	Nguyễn Trường Phong	DH19CC			2	6,5		8,5	001234567●910	01234●6789
18	19118179	Nguyễn Lê Phú	DH19CC			2	5		7,0	00123456●8910	●123456789
19	19118188	Bùi Nguyễn Quang	DH19CC			2	6		8,0	001234567●910	●123456789
20	19118185	Nguyễn Hoàng Quân	DH19CC			2	6,5		8,5	001234567●910	01234●6789
21	19118213	Đặng Hồng Thanh	DH19CC			2	6,5		8,5	001234567●910	01234●6789
22	19118243	Nguyễn Tấn Tịnh	DH19CC			2	6,5		8,5	001234567●910	01234●6789
23	19118244	Nguyễn Phúc Toại	DH19CC			2	5,5		7,5	00123456●8910	01234●6789
24	19118246	Nguyễn Văn Toàn	DH19CC			2	6,5		8,5	001234567●910	01234●6789
25	19118247	Trương Hữu Toàn	DH19CC			2	5,5		7,5	00123456●8910	01234●6789
26	19118263	Võ Văn Tư	DH19CC			2	6,5		8,5	001234567●910	01234●6789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Trương Hữu Toàn

Nguyễn Văn Kiệp

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 05

CBGD: Nguyễn Hữu Hòa (C02)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118001	Dương Nguyễn Hoàng Ân	DH19CC			2	4,5		6,5	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
2	17138001	Huỳnh Hoài Bảo	DH17TD			2	7		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	19118012	Nguyễn Ngọc Quốc Bảo	DH19CC			2	7		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	19118024	Đậu Thành Công	DH19CC			2	6,5		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
5	19118049	Huỳnh Khánh Duy	DH19CC			2	6,5		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
6	19118046	Nguyễn Văn Dương	DH19CC			✓	✓		✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	19118037	Phạm Thế Đạt	DH19CC			2	7		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	18138015	Nguyễn Công Đình	DH18TD			2	6		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	19118087	Đỗ Quốc Huy	DH19CC			2	6		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	19118082	Nguyễn Cao Hưng	DH19CC			2	7		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	19118103	Mai Hoàng KHải	DH19CC			2	6,5		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
12	19118110	Lâm Hào Khôn	DH19CC			2	6		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	19154082	Đặng Quang Lâm	DH19OT			2	5		7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	18118081	Tạ Văn Mạnh	DH18CK			2	5,5		7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
15	19154097	Nguyễn Hoàng Nam	DH19OT			2	5,5		7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
16	18118104	Nguyễn Thanh Phi	DH18CK			2	6,5		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9



Mã nhận dạng 02872

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 05

CBGD: Nguyễn Hữu Hòa (C02)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118182	Lê Đình Phước	DH19CC			2	6		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	16154086	Bùi Xuân Thắng	DH16OT			2	5		7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	19154141	Nguyễn Quốc Thắng	DH19OT			2	6		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	19118224	Lâm Thanh Thiện	DH19CC			2	6,5		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	19118233	Nguyễn Nam Thuận	DH19CC			2	7		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	19118235	Trần Thành Tiên	DH19CC			2	4,5		6,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	18127061	Nguyễn Văn Tiến	DH18TD			2	6		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	19138079	Cao Quốc Tĩnh	DH19TD			2	6		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	19118251	Trần Thị Thiên Trang	DH19CC			2	6		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	19118250	Huỳnh Trần Bảo Trân	DH19CC			2	6		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	19154189	Nguyễn Nho Việt	DH19OT			2	6		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Trưởng Bộ Môn


Nguyễn Văn Kiệp

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118007	Dương Gia Bảo	DH19CK			2	5,5		7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
2	19118031	Trần Đức Danh	DH19CK			2	6		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	19118029	Nguyễn Hữu Đang	DH19CK			2	7		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	19118042	Trần Hữu Đức	DH19CK			2	6,5		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
5	19118072	Lăng Ngọc Hoàng	DH19CK			2	4,5		6,5	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
6	19118083	Nguyễn Duy Hưng	DH19CK			2	6,5		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
7	19118143	Lê Công Minh	DH19CK			2	6		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	19118147	Hoàng Phương Nam	DH19CK			2	6		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	19118148	Huỳnh Hoài Nam	DH19CK			2	7		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	19118151	Trần Duy Nhật	DH19CK			2	4,5		6,5	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
11	19118168	Thân Văn Nhó	DH19CK			2	6,5		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
12	19118171	Trần Trường Phát	DH19CK			2	5		7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	19118183	Phạm Công Phương	DH19CK			2	7,5		9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
14	19118184	Phạm Minh Phương	DH19CK			2	7,5		9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
15	19118189	Lê Vinh Quang	DH19CK			2	5,5		7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
16	19118191	Trương Thanh Quý	DH19CK			2	6,5		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 07

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118212	Trần Quốc Thắng	DH19CK			2	5		7,0	0012345678910	0123456789
18	19118222	Nguyễn Trần Xuân Thiên	DH19CK			2	5		7,0	0012345678910	0123456789
19	19130217	Ngô Tùng Thông	DH19TD			2	4,5		6,5	0012345678910	0123456789
20	19118242	Phan Đặng Hoài Tinh	DH19CK			2	6,5		8,5	0012345678910	0123456789
21	19118254	Huỳnh Như Trọng	DH19CC			2	7		9,0	0012345678910	0123456789
22	19118257	Trương Minh Trung	DH19CK			2	6		8,0	0012345678910	0123456789
23	19118264	Cao Linh Tuấn	DH19CK			2	6		8,0	0012345678910	0123456789
24	19118271	Phạm Bá Tường	DH19CK			2	7		9,0	0012345678910	0123456789
25	19118274	Tăng Quốc Việt	DH19CK			2	6,5		8,5	0012345678910	0123456789
26	19118276	Phạm Thái Bảo Vinh	DH19CK			2	7		9,0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Văn Kiệp

N.V. Kiệp



Mã nhận dạng 02874

Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 08

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19138007	Trần Mạnh Cường	DH19TD			✓	✓		✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	19118052	Văn Thành Duy	DH19CK			2	6,5		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
3	19118034	Nguyễn Công Đạt	DH19CK			2	6,5		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
4	19118064	Ngô Thành Hiệp	DH19CK			✓	✓		✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	19118076	Nguyễn Việt Hoàng	DH19CK			2	7		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	19118088	Hà Quang Huy	DH19CK			2	7		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	19118098	Trần Quốc Huy	DH19CK			✓	✓		✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	19154083	Nguyễn Bảo Lâm	DH19OT			2	5		7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	19118121	Nguyễn Cảnh Liêm	DH19CK			2	7		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	19118123	Nguyễn Như Linh	DH19CK			2	5		7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	19154089	Trần Đức Lợi	DH19OT			2	6,5		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
12	19118137	Bùi Duy Lũy	DH19CK			2	6		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	19118145	Nguyễn Văn Minh	DH19CC			2	5,5		7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
14	19154099	Nguyễn Trọng Nghĩa	DH19OT			2	6,5		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
15	19154100	Trần Hoàng Nghiêm	DH19OT			2	6,5		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
16	19118158	Lê Hoàng Minh Ngọc	DH19CK			2	7,5		9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9



Mã nhận dạng 02874

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 08

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154106	Dương Hoài Nhân	DH19OT			2	5		7,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
18	19154112	Nguyễn Phan Huỳnh Nhựt	DH19OT			2	6		8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
19	19118173	Bùi Trung Phong	DH19CC			2	7		9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
20	19137062	Nguyễn Đăng Tân	DH19NL			2	5		7,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
21	19154136	Phạm Văn Tân	DH19OT			✓	✓		✓	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
22	19118214	Lê Ngọc Thanh	DH19CK			2	7,5		9,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
23	19118216	Nguyễn Tiến Thành	DH19CK			2	6		8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
24	19154163	Lê Minh Tiến	DH19OT			2	5,5		7,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
25	17118130	Huỳnh Anh Tú	DH17CK			2	6,5		8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
26	19118272	Nguyễn Quốc Vĩ	DH19CK			2	6		8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

N.V. Kiệp



Mã nhận dạng 02875

Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 10

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118006	Nguyễn Thành Băng	DH19CK			2	5,5		7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
2	19118010	Lê Thái Thiên Bảo	DH19CK			V	V		V	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	19118011	Ngô Quốc Bảo	DH19CK			2	7		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	19118019	Lê Minh Chiến	DH19CK			2	7		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	19118022	Đặng Mai Chung	DH19CK			2	6,5		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
6	19118025	Diệp Kiến Cường	DH19CK			2	7		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	19118030	Chế Nguyễn Văn Danh	DH19CK			2	6		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	19118040	Lê Văn Đô	DH19CK			2	6		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	19118093	Nguyễn Minh Huy	DH19CK			2	6,5		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
10	19118081	Ngô Trung Hưng	DH19CK			2	6		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	19118111	Đặng Hoàng Kiệt	DH19CK			2	6		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	19118112	Ngô Tấn Kiệt	DH19CK			2	7		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	19118113	Nguyễn Duy Kiệt	DH19CK			2	7		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	19118118	Nguyễn Tùng Lâm	DH19CK			2	7		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	19118127	Nguyễn Bình Lộc	DH19CK			2	6,5		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
16	19118128	Trần Thanh Lộc	DH19CK			2	6,5		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

Cán bộ chấm thi 2

N. V. Kiëp